

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 07106.516.483

Số fax: 07103.917.395

Website: www.canthoport.com.vn





CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2016

Cần Thơ, tháng 04 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ





MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	02
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG	22
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	46
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	66
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	76



01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	04
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	09
Mô hình quản trị	11
Định hướng phát triển	13
Các rủi ro	17



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ
Tên tiếng Anh:	CANTHO PORT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	CANTHO PORT
Giấy chứng nhận ĐKDN số:	1801319907 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/10/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/4/2015.
Vốn điều lệ:	284.800.000.000 đồng
Vốn đầu tư của CSH:	284.800.000.000 đồng
Địa chỉ:	Số 2, KV Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Điện thoại:	07106.516.483
Fax:	07103.917.395
Website:	www.canthoport.com.vn
Mã cổ phiếu:	CCT
Logo công ty:	





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Quá trình hình thành Cảng Cần Thơ (Cảng Hoàng Diệu)

Tháng 06/1980

Cảng Cần Thơ được hình thành trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng Cảng quân sự thuộc Tiểu đoàn 805, Trung đoàn 659, Quân khu 9 trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang.

10/01/1990

Cảng Cần Thơ được chuyển về trực thuộc Công ty Giao thông Vận tải Hậu Giang theo Quyết định số 16/QĐ-UBT.90.

29/08/1980

Cảng trực thuộc Công ty Giao thông vận tải Hậu Giang theo Quyết định số 390/QĐ-UBT.80 ngày 29/8/1980 của UBND tỉnh Hậu Giang.

1980

1990

1984

1992

30/07/1984

Chuyển Cảng Cần Thơ về trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang (nay là TP. Cần Thơ) quản lý và chịu sự chỉ đạo chuyên môn của Bộ GTVT theo Quyết định số 104/QĐ-UBT.84.

28/11/1992

Cảng được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Cần Thơ theo Quyết định số 1393/QĐ.UBT. của UBND TP. Cần Thơ.

17/09/1993

Cảng Cần Thơ trở thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1828/KH-ĐT của Bộ GTVT.

30/07/2002

Cảng Cần Thơ được tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Cảng Sài Gòn theo Quyết định số 2334/2002/QĐ-BGTVT ngày 26/7/2002 của Bộ trưởng Bộ GTVT và Quyết định số 631/QĐ-HĐQT ngày 30/7/2002 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

1993

2002

1998

2006

08/05/1998

Cảng trở thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 91/1998/QĐ.TTg của Thủ tướng Chính phủ.

16/11/2006

Tách chuyển nguyên trạng Cảng Cần Thơ – đơn vị trực thuộc Cảng Sài Gòn về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1045/QĐ-HĐQT ngày 16/11/2006 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

Quá trình hình thành Cảng Cái Cui

06/06/2006

Cảng Cái Cui được thành lập theo Quyết định 1434/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.



2006

2007



16/08/2007

Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển giao Cảng Cái Cui về Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1050/QĐ-TTq.

Quá trình hình thành Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

2013

TIỀN THÂN

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tiền thân là Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ, được thành lập trên cơ sở sáp nhập Cảng Cần Thơ (nay là Cảng Hoàng Diệu) vào Cảng Cái Cui theo Quyết định số 289/QĐ-HHVN ngày 19/06/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

HỢP NHẤT 2 CẢNG

31/10/2013

Cảng Cần Thơ và Cảng Cái Cui chính thức hợp nhất theo Quyết định số 289/QĐ-HHVN ngày 19/06/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

31/3/2015

Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ chính thức chuyển đổi sang hoạt động dưới mô hình Công ty Cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ với vốn điều lệ là 284.800.000.000 đồng.

25/04/2016

Cảng Cần Thơ chính thức trở thành công ty đại chúng.

05/05/2016

Thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện lưu ký chứng khoán.

2015 -
2016



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Công ty hiện đang kinh doanh các dịch vụ thuộc bốn lĩnh vực sau đây:

- ↯ Bốc xếp vận tải;
- ↯ Cho thuê bến bãi và dịch vụ lưu kho bảo quản;
- ↯ Cung ứng xăng dầu;
- ↯ Kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác.

Hoạt động bốc xếp, vận tải

- ↯ **Về hoạt động bốc xếp:** bao gồm các dịch vụ bốc xếp hàng container, dịch vụ thu gom, bốc xếp hàng tổng hợp,... Đây là dịch vụ kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Cảng Cần Thơ qua từng năm. Công ty hiện đang sở hữu và khai thác các loại cần trục có sức nâng từ 25 – 250 tấn, đủ khả năng bốc xếp cho các tàu có tải trọng lớn, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí bốc dỡ.
- ↯ **Về hoạt động vận tải:** Công ty hiện đang sở hữu các đội sà lan, tàu lai dắt, đội xe tải container chuyên nghiệp, đáp ứng được các hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ. Ngoài ra, Công ty còn liên kết với các công ty chuyên vận tải hàng hóa nhằm đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả mọi nhu cầu của khách hàng.

Dịch vụ lưu kho bãi

- ↯ **Kho và dịch vụ lưu kho:** Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ đang sở hữu một hệ thống nhà kho với diện tích sử dụng lớn nhằm bảo quản và lưu trữ hàng hóa được tốt hơn. Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kiểm soát, lưu trữ hàng hóa, có phương thức đóng gói hàng hóa cẩn thận, chính xác giúp tiết kiệm diện tích và giảm thiểu các chi phí phát sinh để có thể tận dụng tối đa diện tích kho bãi. Dịch vụ lưu kho của Công ty có tỉ lệ lấp đầy rất cao, có những thời điểm diện tích lấp đầy lên tới 100.



Địa bàn kinh doanh

- ↯ Địa bàn hoạt động của Công ty chủ yếu tại 2 bến cảng Cần Thơ và Cảng Cúi Cui thuộc địa bàn TP. Cần Thơ.



- ↯ **Bãi và dịch vụ cho thuê bến bãi:** Với tổng cộng hơn 143.000 m² bãi hàng hóa ở hai Cảng Cái Cui và Cảng Hoàng Diệu, Công ty hiện đang sở hữu cơ sở hạ tầng bãi lớn nhất so với các Cảng khác trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, tỉ lệ lấp đầy chung toàn Công ty hiện ở mức 42%.



Hoạt động cung ứng xăng dầu

- ↯ Là một trong những dịch vụ kinh doanh truyền thống của Cảng. Trong thời gian qua, dịch vụ cung ứng xăng dầu cho các đối tượng tàu chở hàng hóa qua cảng và các đơn vị vận tải trong cảng đang phát triển trở thành một trong những nhóm dịch vụ thường xuyên mang lại nguồn thu đáng kể trong tương lai của Công ty.



Hoạt động kinh doanh khác

- ↯ Ngoài các nhóm dịch vụ chính kể trên, Công ty hiện còn cung cấp các dịch vụ giao nhận, cung ứng hàng hải, dịch vụ cho thuê tàu lại và các dịch vụ khác. Các dịch vụ phụ trợ này tuy chiếm tỷ trọng doanh thu không cao nhưng lại đóng vai trò hỗ trợ quan trọng, giúp Công ty hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hải đa dạng và hoàn chỉnh.



**MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC****Mô hình quản trị**

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- ↯ Đại Hội đồng cổ đông;
- ↯ Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- ↯ Ban điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc);
- ↯ Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- ↯ Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kinh doanh – Khai thác, Phòng Kỹ thuật công nghệ công trình, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Tổ chức Hành chính;
- ↯ Các đơn vị trực thuộc.

Các công ty con, công ty liên kết**Công ty con**

Không có

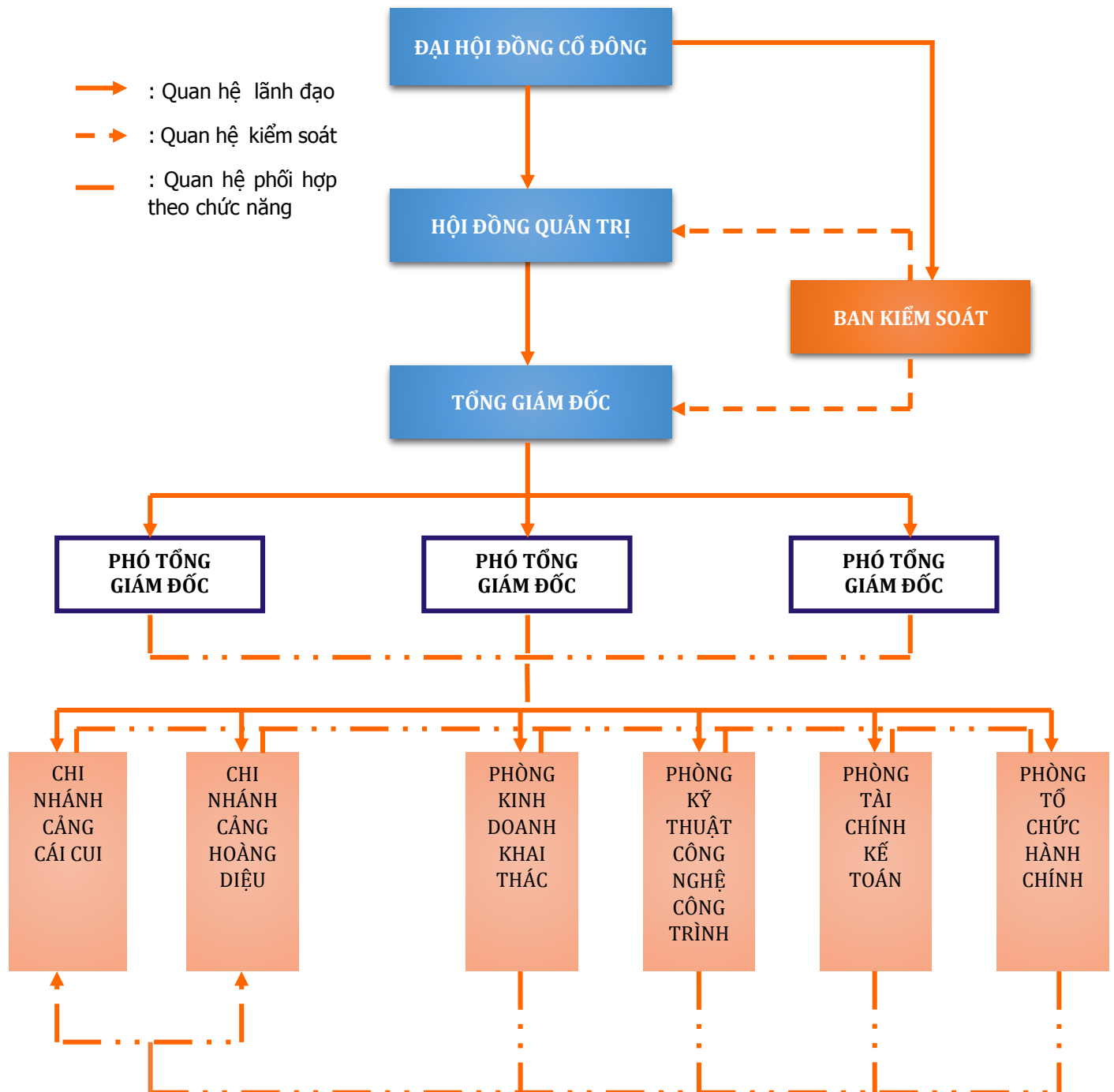
Công ty liên kết

- ↯ Tên Công ty: Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn
- ↯ Giấy CNĐKKD số: 2100420844 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 02/08/2014, thay đổi lần 2 ngày 04/06/2014.
- ↯ Địa chỉ: hương lộ 81, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh
- ↯ Điện thoại: 0743 852822 Fax: 0743 852585
- ↯ Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
- ↯ Giá trị phần vốn góp: 10.000.000.000 đồng
- ↯ Tỷ lệ nắm giữ: 50%
- ↯ Giá trị đầu tư: 4.497.251.573 đồng
- ↯ Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

Các đơn vị trực thuộc

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui	02 KV Phú Thắng, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu	27 Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ	Số 02 KV Phú Thắng, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ

Tổ chức bộ máy





Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- ↯ Xây dựng thương hiệu Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hoạt động bền vững, uy tín trên thị trường, thực hiện quảng bá thương hiệu qua các phương tiện truyền thông, truyền hình.
- ↯ Tiếp tục tập trung vào những lĩnh vực truyền thống, bao gồm hoạt động kho bãi, bốc xếp, dịch vụ logistics hỗ trợ vận chuyển đường thủy. Với phương châm “Năng suất – Chất lượng – An toàn – Hiệu quả” Công ty đã không ngừng cải tiến chất lượng nhằm cung cấp các dịch vụ trọn gói cho khách hàng như các dịch vụ khai thuê hải quan, tư vấn thuê mướn phương tiện vận tải, lưu trữ và vận tải hàng hóa,...
- ↯ Đầu tư hoàn thiện dịch vụ bốc xếp container tại Cảng Cái Cui nhằm nối tuyến container quốc tế từ Cảng Phnom Penh – Cái Cui – Cái Mép Vũng Tàu bằng phương tiện vận tải thủy lớn từ 100TEUs – 300TEUs.
- ↯ Nghiên cứu đầu tư các trang thiết bị và các giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm tối đa tiêu hao năng lượng tại các kho hàng, văn phòng, nhất là nhiên liệu trong quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới bốc xếp.

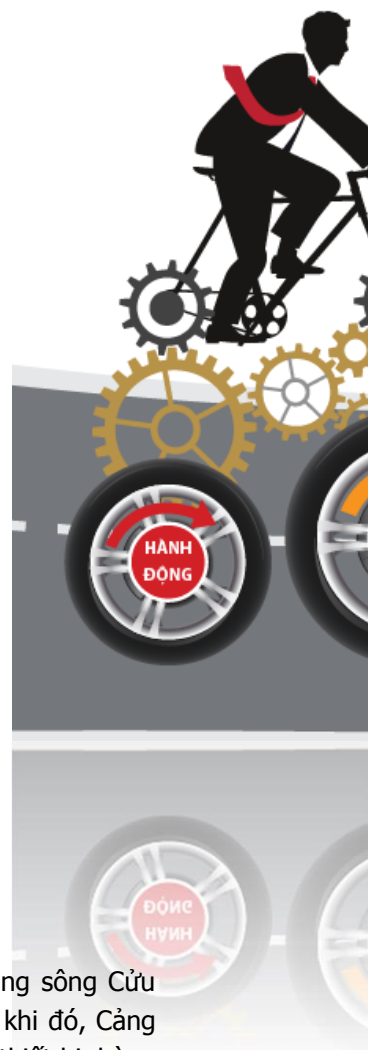
Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về hoạt động khai thác Cảng

- ↯ Phát triển Cảng Cái Cui thành cảng container trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với hạ tầng kho bãi, trang thiết bị, công nghệ quản lý hiện đại. Trong khi đó, Cảng Hoàng Diệu tập trung phát triển, khai thác các loại hàng bao, hàng rời, hàng thiết bị, hàng bách hóa,... kết hợp với các chi nhánh, trạm đại diện tại Duyên Hải (Trà Vinh), Vàm Cái Sắn (Thốt nốt), Hà Tiên - Kiên Giang, tạo thành một hệ thống các bến cảng, phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, thực hiện nhiệm vụ kinh tế, chính trị cho sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- ↯ Triển khai phát triển đồng bộ cảng biển với cơ sở hạ tầng kết nối cảng và dịch vụ sau cảng; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics phục vụ vận tải thuận lợi, tổ chức hiệu quả quá trình vận tải trong khu vực; giảm thời gian, chi phí vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu thay vì tiếp chuyển hàng hóa trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long qua nhóm cảng biển số 5.

Về đầu tư

- ↯ Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở hai Cảng Hoàng Diệu và Cái Cui nhằm phát huy tối đa vị thế Công ty tại khu vực. Tìm kiếm đối tác thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hàng hải.





Về tài chính

- ⌵ Thi hành các chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho Công ty, tận dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, hạn chế tối đa việc đi vay, quản lý chặt chẽ các chính sách công nợ, thu hồi vốn giảm thiểu rủi ro hoạt động cho Công ty.
- ⌵ Đối với các khoản nợ hiện tại, khoản nợ trong vòng 3 năm không tính lãi nhằm giảm áp lực tài chính, sau khi tình hình tài chính Công ty đi vào ổn định thì sẽ thực hiện trả dần theo lộ trình.

Về nhân sự

- ⌵ Nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng các đòi hỏi bức thiết của thị trường trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, phục vụ cho việc định hướng kinh doanh, phát triển sản xuất của Công ty.
- ⌵ Từng bước củng cố tổ chức nhân sự, nâng cao bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phù hợp với cơ chế mới.





Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

Các mục tiêu với môi trường

- ↯ Công ty luôn chú trọng vấn đề về môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng cường thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa huấn luyện, tuyên truyền bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức để ứng phó với những biến đổi khí hậu như hiện nay.
- ↯ Bên cạnh đó, Công ty tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy nhằm bảo đảm an toàn về người lẫn hàng hoá. Vận động cán bộ công nhân viên của Công ty tạo nếp sống văn minh như: không vứt rác bừa bãi, không xả nước thải ra môi trường,...



Các mục tiêu với xã hội

- ↯ Bên cạnh lợi ích chung của Cảng Cần Thơ, Công ty luôn đẩy mạnh vai trò, đóng góp đối với lợi ích của cộng đồng nhằm góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.
- ↯ Hàng năm, Công ty trích một phần kinh phí để ủng hộ giúp đỡ các đối tượng gặp khó khăn trên địa bàn hoạt động, đồng bào bị lũ lụt ở Miền Trung, quyên góp quỹ khuyến học dành cho các học sinh chịu khó, có ý chí vượt qua hoàn cảnh không may mắn,... Qua đó, Công ty luôn nỗ lực đem đến những giá trị thiết thực, lâu dài nhằm góp phần nâng cao đời sống của cộng đồng, xã hội.





CÁC RỦI RO

Rủi ro kinh tế

↯ Năm 2016 nền kinh tế thế giới đối diện nhiều rủi ro như: xung đột chính trị gia tăng, tốc độ phục hồi chưa bền vững ở hầu hết các nền kinh tế chủ chốt, tốc độ tăng trưởng thương mại và đầu tư còn thấp. Sự biến động khó lường của giá dầu thô, cùng với việc giá cả hàng hóa chưa khởi sắc đã tác động mạnh đến các nền kinh tế trên thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, tổng sản lượng trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015. Mức tăng trưởng này thấp hơn mức 6,88% năm 2015 và không đạt chỉ tiêu đề ra. Trước những bất ổn trên, Cảng Cần Thơ cũng sẽ bị ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hoạt động kinh doanh.

↯ CPI bình quân tăng 2,66% so với bình quân năm 2015 nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức tăng CPI bình quân của một số năm gần đây, đồng thời vẫn nằm trong giới hạn mục tiêu 5% mà Quốc hội đề ra. Là một Công ty hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển và vận tải hàng hóa, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty còn chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất công nghiệp và hoạt động thương mại. Do đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một chỉ báo quan trọng để Công ty đưa ra những chiến lược phát triển trung và dài hạn phù hợp.



Rủi ro về luật pháp

- ⚓ Cảng Cần Thơ hoạt động trong pháp luật Việt Nam dưới hình thức Công ty Cổ phần. Do đó, Công ty sẽ chịu sự chi phối từ các luật có liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường,... Ngoài ra, đối với ngành kinh doanh cảng biển, Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ còn chịu ảnh hưởng bởi các luật về cảng biển và những chính sách của Nhà nước. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty do đó rủi ro từ hệ thống pháp luật là điều không thể tránh khỏi. Để hạn chế rủi ro này, ngoài công tác nghiên cứu thị trường, các cán bộ nhân viên Công ty còn được trang bị các kiến thức luật, thường xuyên cập nhật những văn bản luật có liên quan đến ngành nghề hoạt động để kịp thời thay đổi cơ chế quản lý và kinh doanh cho phù hợp với tình hình thực tiễn.





Rủi ro đặc thù ngành

Công ty hiện đang hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển hàng hóa, kinh doanh kho bãi và bốc xếp hàng hóa cảng biển. Do tính đặc thù trong lĩnh vực kinh doanh, Công ty chịu một số rủi ro đặc thù như sau:

Rủi ro chính sách

- ↯ Hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng trực tiếp bởi chính sách quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu biên mậu giữa Việt Nam và các nước khác bao gồm chính sách thuế, phí, chính sách kiểm dịch, an toàn vệ sinh và kiểm tra các tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách quản lý đặc thù đối với mỗi loại hàng hóa trong từng thời kỳ. Việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát hoạt động tạm nhập tái xuất của Chính phủ Việt Nam trong mỗi giai đoạn đều ảnh hưởng không nhỏ đến lượng hàng thông quan qua Cảng và doanh thu từ dịch vụ container lạnh. Vì thế, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo sát và cập nhật các thông tin chính sách mới để có thể ứng phó trong mọi tình huống.

Rủi ro giá nhiên liệu

- ↯ Ngoài các lĩnh vực kinh doanh như bốc xếp, lưu trữ kho bãi, cung ứng xăng dầu,... Công ty còn có hoạt động vận tải và giao nhận hàng hóa với đội ngũ sà lan, tàu lai dắt, đội xe tải container chuyên nghiệp. Do đó, sự biến động về giá nhiên liệu đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của Công ty. Nhận định chung năm 2016, giá xăng dầu có xu hướng giảm so với những năm trước, đây là tín hiệu đáng mừng vì sẽ giảm chi phí đầu vào cho Cảng Cần Thơ. Tuy nhiên, giá xăng dầu lại phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thế giới, do đó về lâu dài, khi có sự biến động về giá thì Công ty cần phải điều chỉnh một cách tương ứng và phù hợp với thị trường.

Rủi ro thời tiết

- ↯ Điều kiện thiên nhiên là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Khi khu vực vận chuyển xảy ra thiên tai, lũ lụt sẽ gây thiệt hại về đường xá, gây khó khăn cho việc vận hành các phương tiện thủy và bộ làm ảnh hưởng đến sản lượng và hiệu quả kinh doanh của Cảng Cần Thơ.



Rủi ro lãi suất

- ⌵ Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, hầu hết các công ty cần nguồn vốn lớn đều sử dụng nguồn vốn vay từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp. Với kế hoạch mở rộng và nâng cấp các đội tàu, phát triển hoạt động kinh doanh vận tải, Công ty sẽ cần một lượng vốn rất lớn để đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Vì vậy, để quản lý rủi ro này, Công ty luôn cân nhắc kỹ lưỡng để đưa ra các quyết định hợp lý đối với việc chọn thời điểm và kỳ hạn vay thích hợp, phù hợp với cơ cấu ngành để đạt được các lãi suất ưu đãi nhất.

Rủi ro cạnh tranh

- ⌵ Trong bối cảnh hội nhập mạnh mẽ như hiện nay, việc chính thức gia nhập WTO, ký kết các hiệp định quốc tế mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng. Tuy nhiên, sự gia tăng về số lượng cảng mới hình thành dẫn đến cạnh tranh gay gắt về giá cước dịch vụ giữa các cảng trong khu vực cùng với việc mở rộng hợp tác kinh doanh, liên doanh với các đối tác nước ngoài của các doanh nghiệp trong ngành sẽ gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh làm ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

Rủi ro khác

- ⌵ Ngoài những rủi ro kể trên thì hoạt động kinh doanh của Công ty còn đối mặt với những rủi ro đặc thù như thiên tai, môi trường, những biến động chính trị và xã hội trên thế giới, chiến tranh, khủng bố, tranh chấp trên biển,... Những rủi ro này khi xảy ra sẽ gây ra những thiệt hại về tài sản, con người và sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty luôn thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời thông tin nhằm có những biện pháp ứng phó kịp thời.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động kinh doanh 23

Tổ chức và nhân sự 25

Tình hình đầu tư 35

Tình hình tài chính 36

Cơ cấu cổ đông 39

Báo cáo phát triển bền vững 41





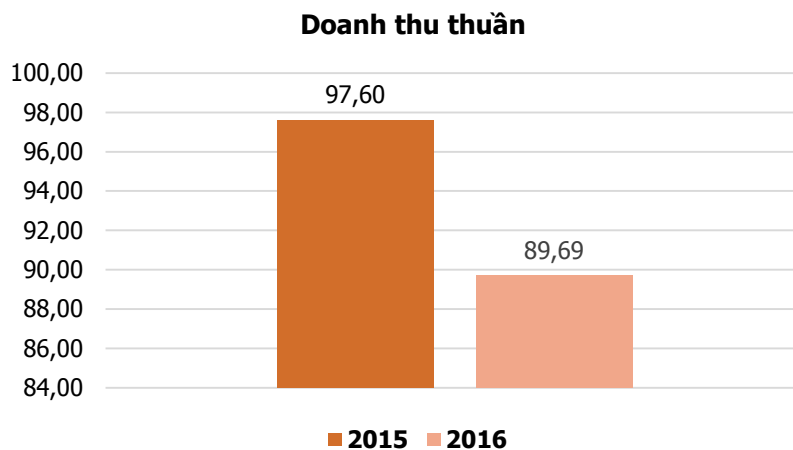
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	TH 2016	KH 2016	% TH 2016/2015	% TH/KH 2016
Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	2.933.948	2.075.838	3.287.000	70,75%	63,15%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	100,21	92,79	149,8	92,60%	61,94%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,08	-12,97	4,00	-	-

- ⚓ Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Tuy nhiên, Cảng Cần Thơ vừa mới thực hiện công tác cổ phần hoá, chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Năm 2015 là năm đầu tiên Cảng Cần Thơ hoạt động kinh doanh theo mô hình Công ty Cổ phần, thời gian lập báo cáo tài chính từ ngày 01/04/2015 đến ngày 31/12/2015 và năm 2016 báo cáo tài chính được tích lũy từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016. Vì thế, số liệu giữa năm 2015 và năm 2016 không có sự nhất quán, khó có thể thực hiện so sánh sự thay đổi.



- ↓ Trong năm 2016, doanh thu thuần của Công ty đã giảm từ 97,60 tỷ đồng xuống còn 89,69 tỷ đồng. Mức giảm về doanh thu của năm 2016 là do doanh thu về cung cấp dịch vụ giảm mạnh hơn mức tăng của doanh thu về bán hàng, cụ thể là giảm hơn 8 tỷ đồng tương đương giảm 9,10% so với năm 2015.



**TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ****Hội đồng quản trị****Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh
1	Nguyễn Văn Hạnh	Chủ tịch HĐQT
2	Lâm Tiến Dũng	Phó chủ tịch HĐQT
3	Phan Thành Tiến	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT
5	Phan Công Đức	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Quang Dũng	Thành viên HĐQT
7	Nguyễn Trường Sơn	Thành viên HĐQT

Sơ yếu lí lịch**Ông Nguyễn Văn Hạnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ngày tháng năm sinh	: 16/03/1960
Địa chỉ thường trú	: Số 19 tổ 9 ngách A ngõ 19 đường Trần Quang Diệu, quận Đống Đa, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
Số lượng cổ phần sở hữu	: 0 cổ phần – tỷ lệ: 0,00%
Số lượng cổ phần đại diện	: 5.424.500 cổ phần – tỷ lệ 19,05% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không

Ông Lâm Tiến Dũng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh	: 09/11/1963
Địa chỉ thường trú	: 359/2B, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư máy tàu thủy, Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
Số lượng cổ phần sở hữu	: 3.200 cổ phần – tỷ lệ 0,011% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần đại diện	: 3.987.000 cổ phần – tỷ lệ 14%
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không

Ông Phan Thành Tiến - Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	: 15/11/1958
Địa chỉ thường trú	: 36R/3, KV3, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư cơ khí; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Số lượng cổ phần sở hữu	: 7.200 cổ phần - tỷ lệ 0,025% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần đại diện	: 3.987.200 cổ phần - tỷ lệ 14% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không



Ông Nguyễn Văn Bá – Thành viên HĐQT điều hành kiêm Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	: 19/07/1962
Địa chỉ thường trú	: số 9, Công Bình, KV4, phường Trà An, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Luật
Số lượng cổ phần sở hữu	: 3.200 cổ phần – tỷ lệ 0,011% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần đại diện	: 3.702.400 cổ phần – tỷ lệ 13% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không

Ông Phan Công Đức – Thành viên HĐQT điều hành kiêm Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh	: 20/10/1960
Địa chỉ thường trú	: KDC 91B, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số lượng cổ phần sở hữu	: 6.200 cổ phần – tỷ lệ 0,022% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần đại diện	: 3.702.400 cổ phần – tỷ lệ 13% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không



Ông Nguyễn Quang Dũng – Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày tháng năm sinh	: 15/12/1974
Địa chỉ thường trú	: số 6G ngách 22/92, ngõ 92 đường Nguyễn Khánh Toàn, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Luật kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu	: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%
Số lượng cổ phần đại diện	: 3.702.400 cổ phần – tỷ lệ 13% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Phó Trưởng Ban Chiến lược phát triển và Truyền thông Tổng công ty HHVN; Thành viên HĐQT Cảng Hải Phòng

Ông Nguyễn Trường Sơn – Thành viên HĐQT không điều hành

Ngày tháng năm sinh	: 01/09/1964
Địa chỉ thường trú	: 38D/343 An Dương Vương, quận Tây Hồ, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư VTĐ Hàng hải, Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp
Số lượng cổ phần sở hữu	: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%
Số lượng cổ phần đại diện	: 3.702.400 cổ phần – tỷ lệ 13% vốn điều lệ
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Phó Trưởng Ban Quản lý cảng biển và Dịch vụ hàng hải, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam



Ban kiểm soát**Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh
1	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng BKS
2	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên BKS
3	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên BKS

Ông Nguyễn Hồng Hải – Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh : 27/10/1975

Địa chỉ thường trú : Số 01/31/30/63 Lê Đức Thọ, phường Mỹ Đình 2, quận Từ Liêm, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế - chuyên ngành tài chính kế toán

Số lượng cổ phần sở hữu : 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%

Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Chuyên viên Ban kiểm toán Nội bộ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam



Ông Trịnh Thanh Tùng – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	: 10/07/1978
Địa chỉ thường trú	: 551A Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế Lao động và Quản lý nguồn nhân lực; Cử nhân Tài chính kế toán
Số lượng cổ phần sở hữu	: 1.900 cổ phần – tỷ lệ 0,006% vốn điều lệ
Số lượng cổ phần đại diện	: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không

Ông Nguyễn Văn Hiền – Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh	: 15/12/1982
Địa chỉ thường trú	: Số 100 ấp 10, xã Vĩnh Viễn, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế kế toán
Số lượng cổ phần sở hữu	: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%
Số lượng cổ phần đại diện	: 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không



Ban điều hành

Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Họ tên các thành viên	Chức danh
1	Phan Thành Tiến	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Bá	Phó tổng giám đốc
3	Phan Công Đức	Phó tổng giám đốc
4	Nguyễn Văn Dục	Phó tổng giám đốc

Sơ yếu lý lịch

Ông Phan Thành Tiến – Tổng giám đốc

(Xem phần sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Văn Bá – Phó Tổng giám đốc

(Xem phần sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị)

Ông Phan Công Đức – Phó Tổng giám đốc

(Xem phần sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị)

Ông Nguyễn Văn Dục – Phó Tổng giám đốc

Ngày tháng năm sinh : 27/12/1957

Địa chỉ thường trú : 36/29 Trần Việt Châu, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu : 5.000 cổ phần – tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ

Số lượng cổ phần đại diện : 0 cổ phần – tỷ lệ 0,00%

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không

Những thay đổi trong Ban điều hành, HĐQT, BKS

Trong năm, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ không có sự thay đổi về nhân sự trong cơ cấu Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

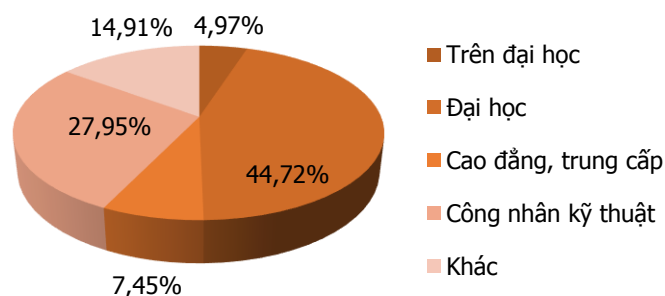


Tình hình nhân sự

Số lượng nhân viên

STT	Trình độ lao động	Lao động	
		Số người	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ trên đại học	8	4,97
2	Trình độ đại học	72	44,72
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	12	7,45
4	Công nhân kỹ thuật	45	27,95
5	Trình độ khác	24	14,91
Tổng cộng		161	100,00

Cơ cấu lao động theo trình độ



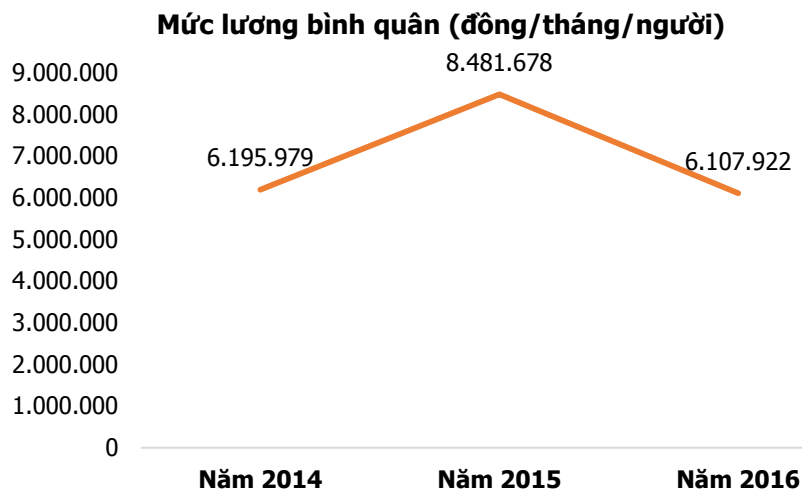
Chính sách người lao động

Chính sách lương thưởng

- ↯ Công ty xây dựng chính sách tiền lương riêng thông qua Quy chế trả lương phù hợp với ngành nghề hoạt động và đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo Quy định của nhà nước. Hệ số lương được xác định dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh của công ty. Cuối mỗi năm, công ty đều tiến hành tổng kết đánh giá để thưởng cho những bộ phận, phòng ban, cá nhân có thành tích xuất sắc, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, làm tốt công tác thực hành tiết kiệm trong sản xuất.

Thu nhập bình quân của người lao động

STT	Năm	Mức lương bình quân (đồng/ người /tháng)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)
1	2014	6.195.979	-
2	2015	8.481.678	36,89
3	2016	6.107.922	-27,99



Chính sách đào tạo

- ↓ Con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp, do đó Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn cho người lao động trong công tác vận hành máy móc hiện đại và năng lực quản lý Cảng cho các cán bộ điều hành.

Chính sách phúc lợi

- ↓ Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được công ty trích nộp theo đúng quy định pháp luật. Hằng năm, Công ty còn tổ chức khám sức khỏe cho toàn thể nhân viên cũng như thường xuyên chăm lo cho đời sống người lao động và hỗ trợ kịp thời đối với những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn hoặc gặp tai nạn lao động trong quá trình làm việc.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án đầu tư xây dựng trong năm 2016:

STT	Khoản mục	Giá trị thực hiện (triệu đồng)
1	Mua 01 xe đầu kéo Thaco Auman FV340	862,73
2	Mua 01 Sơ mi rơ-mooc 40ft 03 trục	321,82
3	Mua xe xúc lật quay 360 độ	174,54
4	San lấp mặt bằng bãi số 6, 10, 5a	1.669,09
5	Mua romooc xương 20 feet	186,36
6	Cải tạo, nâng cấp đường ngoài cảng và đường vào bãi 10b	826,96
Tổng cộng		4.041,5





Tình hình tài chính

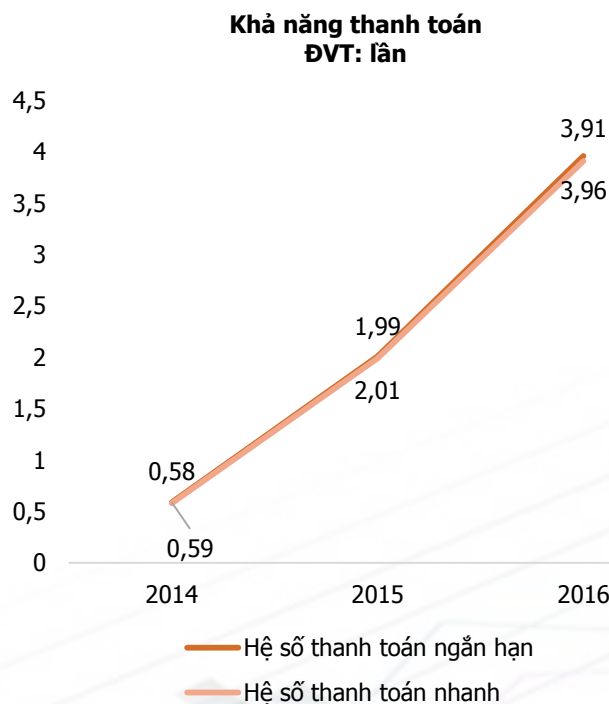
Chỉ tiêu	ĐVT	2015 (01/04 – 31/12)	2016 (01/01 – 31/12)	% tăng/giảm
Tổng tài sản	Tỷ đồng	414,76	381,42	-8,04%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	97,60	89,69	-9,10%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	0,80	-13,18	-
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,28	0,21	-25,00%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,08	-12,97	-
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,08	-12,97	-

Các chỉ số tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	ĐVT	2014 (01/01/2014 – 31/03/2015)	2015 (01/04 – 31/12)	2016 (01/01 – 31/12)
1. Khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,59	2,01	3,96
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,58	1,99	3,91
2. Cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	33,60	33,68	31,39
Hệ số nợ/Vốn CSH	%	50,60	50,77	45,75
3. Năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	144,06	106,71	128,03
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,29	0,24	0,24
4. Khả năng sinh lời				
Tỷ suất LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	-8,10	1,10	-14,46
Tỷ suất LN sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-8,46	0,82	-3,26
Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	-3,58	0,39	-4,83
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-2,38	0,26	-14,70

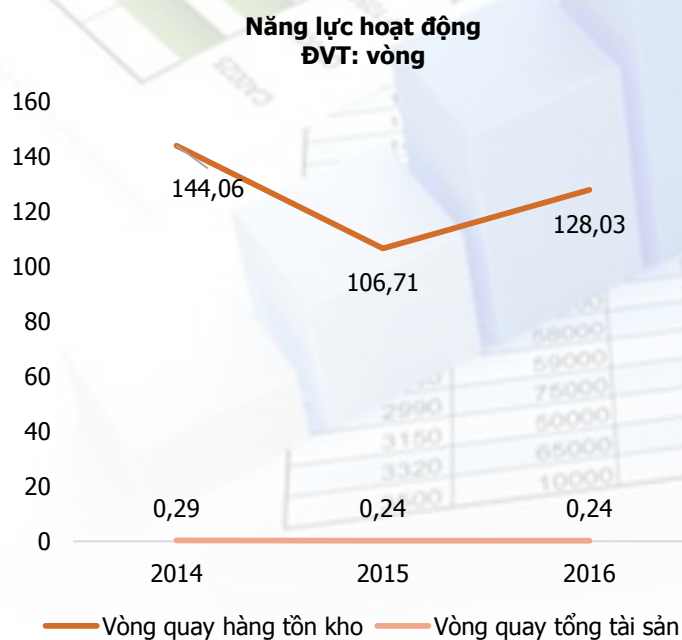
Khả năng thanh toán

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đã có tiến triển tốt qua các năm, cụ thể là khả năng thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,01 lần lên 3,96 lần trong năm 2016 và khả năng thanh toán nhanh cũng tăng từ 1,99 lần lên 3,91 lần tương đương tăng 96,48% so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí phải trả ngắn hạn giảm hơn 20 tỷ đồng, từ 20.880 triệu đồng năm 2015 giảm xuống còn 388 triệu đồng năm 2016.

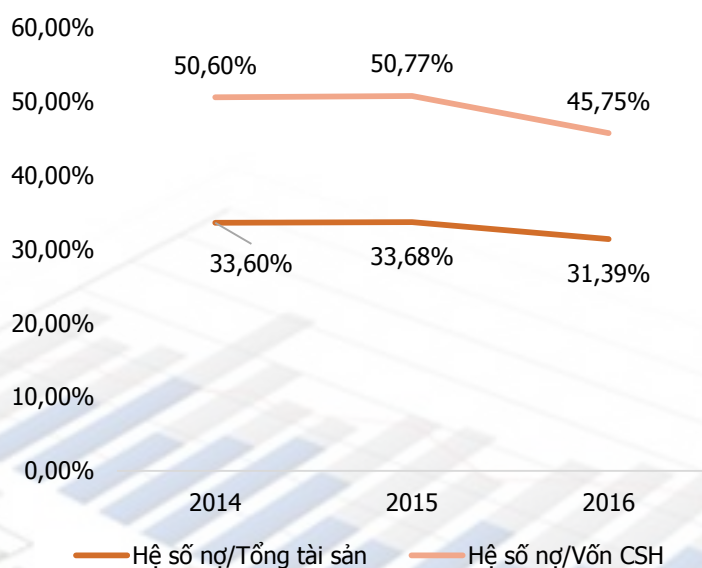


Năng lực hoạt động

Hoạt động trong ngành dịch vụ cảng biển nên hệ số vòng quay hàng tồn kho của Cảng Cần Thơ không mang nhiều ý nghĩa trong việc đánh giá năng lực hoạt động. Hàng tồn kho chủ yếu của Cảng Cần Thơ là các thiết bị, phụ tùng phục vụ cho việc sửa, bảo trì, vệ sinh phương tiện vận tải, bến bãi. Hệ số vòng quay tổng tài sản năm 2016 là 0,24 vòng cho biết 1 đồng tài sản của Cảng Cần Thơ ở có thể tạo ra 0,24 đồng doanh thu. Do đặc thù ngành dịch vụ cảng nên khoản mục đầu tư cho tài sản có giá trị khá lớn, điều này làm cho vòng quay tổng tài sản trong ngành thường không cao.



Cơ cấu vốn



Cơ cấu vốn

Tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng giảm lần lượt qua các năm là 33,60%, 33,68% và 31,39%. Nguyên nhân chủ yếu là do việc trả dần nợ gốc qua các năm và không tiến hành vay thêm nợ để đầu tư, mua sắm tài sản. Tài sản của Công ty được tài trợ phần lớn từ nguồn vốn chủ sở hữu, điều này làm giảm rủi ro về lãi vay và khả năng thanh toán của Cảng Cần Thơ trong quá trình hoạt động.

Khả năng sinh lời

Trong năm 2016, kinh tế thế giới và Việt Nam chịu ảnh hưởng xấu từ những sự kiện chính trị, xã hội của các nền kinh tế lớn. Điều này, khiến các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thương mại hàng hóa chịu ảnh hưởng không nhỏ, trong đó có Cảng Cần Thơ. Cụ thể, doanh thu hoạt động vận tải hàng hóa, cho thuê kho bãi, dịch vụ bốc xếp hàng hóa của Cảng Cần Thơ năm 2016 đạt 89,69 tỷ đồng giảm 8,10% so với năm 2015. Với mức doanh thu này, Công ty không đủ chi trả cho các khoản chi phí của doanh nghiệp, không đạt được điểm hòa vốn nên năm 2016 Công ty ghi nhận kết quả lỗ 12,97 tỷ đồng. Điều này dẫn đến việc các hệ số về khả năng sinh lợi đều âm. Công ty không tiến hành so sánh, phân tích các hệ số trong tiêu chí này.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

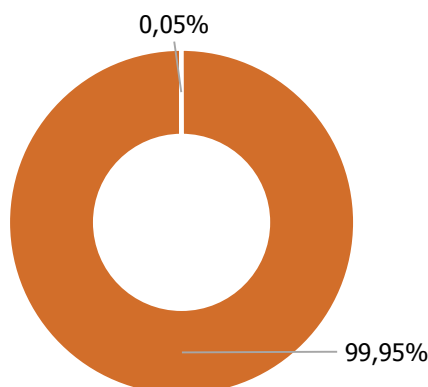
Thông tin cổ phiếu

↕ Tổng số cổ phiếu	: 28.480.000 cổ phiếu
↕ Mệnh giá cổ phiếu	: 10.000 đồng/cổ phiếu
↕ Loại cổ phiếu đang lưu hành	: 28.480.000 cổ phiếu phổ thông
↕ Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	: 28.467.900 cổ phiếu
↕ Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	: 12.100 cổ phiếu (người lao động mua theo diện cam kết làm việc lâu dài)
↕ Cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/03/2017

STT	Loại cổ đông	Số lượng	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	102	28.467.000	99,95
1	Cá nhân	100	256.500	0,90
2	Tổ chức	2	28.210.500	99,05
II	Cổ đông nước ngoài	8	13.000	0,05
1	Cá nhân	8	13.000	0,05
2	Tổ chức	0	-	-
Tổng cộng		110	28.480.000	100,00

Cơ cấu cổ đông



■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)	Số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội	28.208.500	99,05

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- ↯ Hoạt động kinh doanh tại cảng bao gồm bốc xếp, vận tải, lưu và cho thuê kho bãi, cung ứng xăng dầu,... nên nguồn nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu là xăng, dầu, nhớt dùng cho vận hành máy móc thiết bị và các hóa chất, công cụ dùng để vệ sinh nhà kho, bến bãi.
- ↯ Công ty luôn chú trọng công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu nhằm sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động. Đối với các hóa chất và nhiên liệu hóa thạch sau quá trình sử dụng, công ty có quy trình xử lý thích hợp tránh gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- ↯ Công tác bảo vệ môi trường được Cảng Cần Thơ thực hiện rất nghiêm chỉnh. Trong năm 2016, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường



Tiêu thụ năng lượng

- ⚓ Điện năng được Công ty sử dụng cho việc chiếu sáng tại các kho, điện văn phòng, hệ thống làm mát. Các nguồn nguyên liệu hóa thạch như xăng, dầu, nhớt được dùng để vận hành các máy móc, thiết bị chuyên dùng. Quá trình sử dụng các năng lượng này là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Do đó, Công ty đã có những chính sách hợp lý như: đưa ra định mức sử dụng, chi phí sử dụng phù hợp, tìm kiếm các loại năng lượng sạch, thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu việc sử dụng các loại năng lượng này.

Tiêu thụ nước

- ⚓ Công ty sử dụng nước để phục vụ cho việc vệ sinh kho bãi, sinh hoạt tại văn phòng, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.



Chính sách liên quan đến người lao động

- ⌵ **Chính sách đãi ngộ nhân sự:** Ý thức được con người là nhân tố nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty, Cảng Cần Thơ có các chính sách thu hút nhân tài để ngày càng có nhiều nhân viên giỏi, công nhân lành nghề làm việc cho Công ty. Đối với đội ngũ nhân viên lâu năm, Công ty thường xuyên tổ chức bầu chọn những công nhân có đủ trình độ, năng lực vào các chức vụ lãnh đạo Công ty. Bố trí các cán bộ quản lý phân xưởng vừa giỏi chuyên môn vừa có trình độ quản lý trên cơ sở qui định rõ trách nhiệm và quyền hạn một cách cụ thể.
- ⌵ **Chính sách lương thưởng:** Áp dụng chính sách lương theo kết quả sản xuất kinh doanh nhằm động viên, khuyến khích người lao động, trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị cơ sở. Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên năng động và sáng tạo, phát huy tính tích cực trong kinh doanh, thực hiện hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty. Có chính sách trả lương xứng đáng với cống hiến để thu hút nhân tài ở những vị trí tác nghiệp và quản lý then chốt cần thiết.
- ⌵ **Chính sách đào tạo:** Khi mới được tuyển dụng làm việc tại Cảng Cần Thơ, người lao động đều được đào tạo những vấn đề cơ bản về quy trình làm việc của bộ phận ứng tuyển và hoạt động chung của toàn công ty. Công nhân có đủ năng lực sẽ được công ty tạo điều kiện cập nhật thêm kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty. Công tác đào tạo nguồn lực và bồi dưỡng trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý được tăng cường, nâng cao tinh thần trách nhiệm thông qua chính sách trả lương và khen thưởng hợp lý.



- ⚡ **Chính sách phúc lợi:** Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm theo đúng quy định của Nhà nước đối với người lao động đã ký hợp đồng từ 01 năm trở lên. Đối với các trường hợp cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản hoặc trong thời gian điều trị do tai nạn lao động thì ngoài các chế độ do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả, Cán bộ công nhân viên còn được Công ty hỗ trợ một phần nhằm chia sẻ và giảm bớt gánh nặng tài chính. Vào những dịp đặc biệt như Lễ Tết, Công ty còn tổ chức tặng quà cho cán bộ công nhân viên tại Cảng Hoàng Diệu.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- ⚡ Ngoài mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận của Công ty, Cảng Cần Thơ thường xuyên duy trì các hoạt động vì cộng đồng nhằm chia sẻ một phần lợi nhuận của Công ty cho sự phát triển của xã hội bằng các hoạt động thiết thực như: quyên góp quỹ cho đồng bào lũ lụt miền Trung, thăm hỏi và trao quà cho các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn hoạt động của Công ty,...

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

- ⚡ Hiện tại, Công ty không có các dự án phát triển thị trường vốn xanh, tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Cảng Cần Thơ sẽ chú trọng đến công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm cho môi trường trong quá trình hoạt động. Đồng thời, Cảng Cần Thơ sẽ tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, tài trợ các dự án nghiên cứu phát triển năng lượng xanh theo chính sách chung của đất nước.





03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Về hoạt động kinh doanh	47
Tình hình tài chính	52
Những cải tiến trong năm	55
Kế hoạch trong tương lai	55
Trách nhiệm về môi trường, xã hội	63
Giải trình của ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	64





BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Cảng Cần Thơ hoạt động trên địa bàn thành phố Cần Thơ, là trung tâm kinh tế lớn nhất và nằm ở vị trí trọng yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long. Hơn thế nữa, Cảng Cần Thơ có diện tích cảng, diện tích cầu cảng, trang thiết bị, nguồn nhân lực, khả năng tài chính được xem là lớn nhất khu vực.

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ qua nhiều năm hình thành và phát triển đã tạo dựng được tên tuổi trong ngành khai thác cảng, các khách hàng truyền thống của Công ty bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp đa dạng trong nước và nước ngoài, là đơn vị duy nhất có khả năng bốc dỡ các thiết bị siêu trường, siêu trọng tại Đồng bằng sông Cửu Long, đơn cử như: dự án cầu Cần Thơ, dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu, dự án nhà máy khí điện đạm Cà Mau, dự án nhà máy Nhiệt điện Ô Môn,...

Thuận lợi

- ⚓ Cảng Cần Thơ là cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I nằm ở vị trí chiến lược trọng yếu của vùng Đồng bằng sông Cửu Long ngay trên Sông Hậu, với lợi thế về quy mô, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, lực lượng lao động. Cảng Cần Thơ được định hướng là cảng tổng hợp có chiến lược phát triển hiện đại, trong đó hoạt động trọng tâm là kinh doanh cảng biển, ngoài ra tận dụng thế mạnh về kho bãi Cảng Cần Thơ sẽ phát triển kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics,... Đồng thời, Cảng Cần Thơ nhận được sự quan tâm, ưu đãi, tạo điều kiện phát triển từ Lãnh đạo Đảng, Chính phủ, các Bộ, ban ngành Trung ương và chính quyền thành phố. Bên cạnh đó là sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
- ⚓ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã quan tâm tăng cường chỉ đạo công tác phối hợp giữa các đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với Cảng Cần Thơ để cùng khai thác thị trường Đồng bằng sông Cửu Long, điều này sẽ nâng cao tiềm lực cho các đơn vị trực thuộc Vinalines trong quá trình cạnh tranh với các cảng khác trong vùng.
- ⚓ Hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa đã và đang được đầu tư nâng cấp kết nối với Cảng và các khu công nghiệp, trung tâm sản xuất trong vùng.
- ⚓ Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác cảng và đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác lâu dài với các tổ chức tín dụng, khách hàng truyền thống, các cơ quan quản lý.
- ⚓ Chính sách mở cửa và hội nhập toàn diện của đất nước trong thời gian tới sẽ mang đến cho Công ty các cơ hội hợp tác và phát triển thị trường cũng như thực hiện liên doanh, liên kết với các Cảng trong khu vực, tận dụng hết khả năng, kinh nghiệm và trang thiết bị bốc xếp.

Khó khăn

- ⚓ Luồng tàu vào cảng vẫn chưa chính thức thông luồng theo thiết kế đạt độ sâu 8,0 m, tâm độ rộng 150m.
- ⚓ Các Khu công nghiệp xung quanh cảng như KCN Hưng Phú, KCN Sông Hậu vẫn chưa phát triển; KCN Trà Nóc nằm xa cảng hơn so với Cảng Trà Nóc dẫn đến việc thu hút nguồn hàng về cảng còn hạn chế.
- ⚓ Các mặt hàng chủ yếu thông qua cảng là hàng rời và hàng bao; tuy nhiên, trong thời gian vừa qua thị trường các mặt hàng này giảm nhiều. Hoạt động xuất gạo sang Trung Quốc giảm mạnh do Trung Quốc chuyển sang thu mua gạo của Thái Lan; hiện chưa có tín hiệu khả quan xuất trở lại; trong khi đó áp lực cạnh tranh bốc xếp các mặt hàng này ngày càng lớn (ngoài Cảng An Giang còn có Cảng Bảo Mai, Tân Cảng Thốt Nốt cùng tham gia khai thác tại khu vực Vàm Cái Sắn trong năm 2016).
- ⚓ Mặt hàng container tại Cảng Cái Cui cũng bị suy giảm mạnh so với cùng kỳ do phải chia sẻ hàng hóa với một số bến cảng mới đưa vào khai thác trong khu vực như: Cảng Lee & Man tại KCN Sông Hậu, tỉnh Hậu Giang (triển khai bốc xếp container, hàng hóa phục vụ Dự án Nhà máy Giấy Lee & Man Việt Nam; nguồn hàng này trước đây chủ yếu là về Cảng Cái Cui), nhất là Tân Cảng Cái Cui đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 09/2016 đã chia sẻ thị trường hàng container với Cảng Cái Cui trong thời điểm hiện tại và dự kiến tiếp tục cạnh tranh trong thời gian tới.
- ⚓ Tiến độ triển khai một số dự án lớn trong vùng (dự án cầu Vàm Cống, dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu, Dự án Nhà máy Giấy Lee & Man Việt Nam, dự án điện gió Bạc Liêu giai đoạn III,...) còn chậm so với dự kiến, dẫn đến nguồn hàng thiết bị về cảng suy giảm.
- ⚓ Hệ thống trang thiết bị bốc xếp của cảng đã lạc hậu, năng suất thấp làm ảnh hưởng đến việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng. Cụ thể, các trang thiết bị không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật để tham gia đấu thầu bốc xếp hoặc làm thầu phụ tại các dự án xây lắp nhà máy trong vùng. Thiếu các trang thiết bị bốc xếp container chuyên dụng tại cầu cảng và bãi dẫn đến chưa thu hút được các hãng tàu đưa phương tiện tàu biển lớn vào khai thác.
- ⚓ Diện tích bãi cảng đang có xu hướng thu hẹp. Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ đã thu hồi phần đất 2,5ha Cảng Cần Thơ đang thuê hàng năm tại Cảng Cái Cui.
- ⚓ Hệ thống kho bãi đã được đầu tư trước đây của cảng đã được khai thác hết diện tích; thiếu kho bãi để phục vụ nhu cầu thuê hạ tầng tại cảng ngày càng cao. Trong khi đó, quy trình, thủ tục đầu tư và hợp tác đầu tư, kinh doanh hạ tầng tại cảng hiện rất chậm, làm mất tính chủ động trong đàm phán với khách hàng.
- ⚓ Bộ máy tổ chức của cảng còn chưa hợp lý, còn nặng tính hành chính; dẫn đến việc phân bổ quỹ lương chưa kích thích được khối sản xuất trực tiếp nâng cao năng suất lao động. Trong thời gian qua đã có nhiều trường hợp lao động lành nghề xin nghỉ, chuyển sang các cảng khác trong vùng với mức thu nhập tốt hơn.
- ⚓ Hiện nay, dự án đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II vẫn còn dở dang, trong khi đó doanh nghiệp vẫn phải đóng tiền thuê đất hàng năm và chi trả khoản nợ tại Ngân hàng VIETINBANK – Chi nhánh Chương Dương do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã vay để đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn 2 trước đây. Điều này gây sức ép về tài chính rất lớn đối với doanh nghiệp trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn cả khách quan và chủ quan.



Tình hình hoạt động ở các khu vực khai thác

Tại Vàm Cái Sắn

STT	Loại hàng	ĐVT	TH năm 2015	TH năm 2016	So sánh với cùng kỳ
1	Clinker	Tấn	236.694	166.359	70,28%
2	Gạo	Tấn	1.059.524	654.936	61,81%
3	Gỗ lóng	Tấn	96.419	96.175	99,75%
4	Khác	Tấn	11.975	13.930	116,33%
Tổng cộng		Tấn	1.404.612	936.168	68,57%

Hoạt động xuất gạo đi Trung Quốc giảm mạnh do Trung Quốc đã tổ chức thu mua gạo của Thái Lan dẫn đến sản lượng gạo bốc xếp qua khu vực Vàm Cái Sắn giảm mạnh so với cùng kỳ. Ngoài ra, do Cảng Bảo Mai, cùng với Cảng Mỹ Thới cạnh tranh trong việc bốc xếp mặt hàng gạo và clinker. Hiện Cảng Cần Thơ đang chiếm khoảng 35% thị phần bốc xếp tại khu vực.

Các giải pháp Cảng Cần Thơ đã thực hiện trong năm 2016

- ↯ Thường xuyên tiếp xúc, quảng bá dịch vụ bốc xếp vận tải tại cảng cũng như phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chức năng để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đưa tàu vào cảng làm hàng.
- ↯ Phối hợp tốt với các đơn vị chức năng để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đưa tàu vào cảng làm hàng.
- ↯ Điều chỉnh giá thuê các phương tiện thuê ngoài đang tham gia bốc xếp tại các bến phao của Cảng tại khu vực này nhằm tiết giảm chi phí.
- ↯ Điều chỉnh kịp thời giá cước dịch vụ với mức ưu đãi dành cho từng nhóm khách hàng khác nhau nhằm duy trì nguồn hàng trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt về giá cước dịch vụ;

Tại bến Hoàng Diệu

STT	Loại hàng	ĐVT	TH năm 2015	TH năm 2016	So sánh với cùng kỳ
1	Container	TEU	3.496	3.177	90,88%
2	Clinker	Tấn	42.236	22.522	53,32%
3	Cọc bê tông	Tấn	502	6.687	1332,07%
4	Gỗ dăm	Tấn	22.745	11.096	48,78%
5	Than	Tấn	36.613	10.572	28,87%
6	Vật liệu xây dựng	Tấn	80.560	20.796	25,81%
7	Cám	Tấn	137.119	165.067	120,38%
8	Hàng khác	Tấn	235.298	193.867	82,39%
Tổng cộng		Tấn	558.569	433.784	77,66%

Sản lượng hàng hóa qua bến Hoàng Diệu năm 2016 giảm so với cùng kỳ năm 2015. Mặt hàng chính là cám tăng 20,38% so với cùng kỳ năm 2015 mặt hàng cọc bê tông cũng tăng trưởng mạnh do việc thi công một số dự án trong khu vực. Hàng container giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2015 do tình hình chung của thị trường vận tải nội địa. Các mặt hàng clinker, gỗ dăm, than giảm mạnh do khách hàng gặp hạn chế trong đầu ra. Hàng vật liệu xây dựng sản lượng giảm mạnh do các hạng mục chính của dự án mở rộng Quốc lộ 91 đã hoàn thành trong năm 2015 chỉ còn thi công các hạng mục phụ trong năm 2016. Các mặt hàng khác sản lượng giảm nhẹ.

Các giải pháp Cảng Hoàng Diệu đã thực hiện trong năm 2016

- ↓ Tập trung hỗ trợ các khách hàng hiện đang thuê kho, bãi tại cảng nhằm tạo sự tin tưởng và ổn định.
- ↓ Thuyết phục, hỗ trợ một số khách hàng đang thuê kho, bãi nhưng có sản lượng xuất nhập thông qua cảng không nhiều, thực hiện thanh lý hợp đồng, chuyển ra ngoài cảng thuê hạ tầng để giảm chi phí cho khách hàng; đồng thời, tạo diện tích kho, bãi để cho các khách hàng có năng lực hơn thuê.
- ↓ Rà soát điều chuyển các phương tiện còn khả năng khai thác nhưng chưa khai thác hiệu quả tại cảng sang Cảng Cái Cui hoặc cho thuê bên ngoài để tạo doanh thu.
- ↓ Đàm phán lại giá thuê phương tiện bên ngoài, áp dụng các biện pháp quản lý tiết giảm các chi phí không cần thiết.

Tại bến Cái Cui

STT	Loại hàng	ĐVT	TH năm 2015	TH năm 2016	So sánh với cùng kỳ
1	Container	TEU	22.153	16.189	73,08%
2	Thiết bị	Tấn	43.535	29.190	67,05%
3	Cọc bê tông	Tấn	24.755	55.705	225,03%
4	Gỗ dăm	Tấn	24.249	19.665	81,10%
5	Than	Tấn	31.242	62.498	200,04%
6	Vật liệu xây dựng	Tấn	175.401	195.219	111,30%
8	Clinker	Tấn	-	54.562	-
9	Hàng khác	Tấn	703.179	327.508	46,58%
Tổng cộng		Tấn	1.002.360	705.974	70,43%

Năm 2016, sản lượng hàng hóa tại bến Cái Cui giảm 29,57% so với cùng kỳ năm 2015, trong đó:

- ↓ Sản lượng hàng xuất khẩu vẫn duy trì so với cùng kỳ 2015,
- ↓ Sản lượng hàng nhập khẩu như thiết bị và than tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước, cho thấy hiệu quả của việc thu hút các tàu nhập khẩu trực tiếp về Cảng làm hàng chứ không phải chuyển tải như trước đây.
- ↓ Sản lượng các mặt hàng nội địa giảm 32,92% so với cùng kỳ năm 2015 chủ yếu các mặt hàng như: bia, cám, bột cá, mỡ cá, gỗ dăm. Các mặt hàng khác như cát đá xây dựng, cọc bê tông và clinker tăng trưởng cao, các mặt hàng còn lại có sản lượng ổn định.
- ↓ Riêng sản lượng container tại Cảng Cái Cui năm 2016 giảm 26,92% so với cùng kỳ năm 2015 do chia sẻ thị phần với các cảng mới như đã nêu trên.

Các giải pháp Cảng Cái Cui đã thực hiện trong năm 2016:

- ↓ Tập trung hỗ trợ các khách hàng hiện đang thuê kho, bãi tại cảng nhằm khuyến khích và thu hút thêm lượng hàng luân chuyển; nhất là hàng container từ khi Tân Cảng Cái Cui ra đời, cạnh tranh rất mạnh với cảng từ tháng 9/2016. Ngoài ra, trong thời gian chờ thực hiện thủ tục đầu tư kho, bãi, Cảng đã chủ động cho các doanh nghiệp bên ngoài và các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi phần đất 2,5ha chuyển vào thuê hạ tầng bãi mềm chưa được đầu tư để chứa hàng hóa. Qua đó, đến nay cơ bản đã cho thuê, lấp đầy diện tích bãi hàng tổng hợp tại phần đất Cảng Cái Cui giai đoạn 02.
- ↓ Đã thu hút được một số khách hàng và công ty logistics vận tải hàng thiết bị phục vụ các dự án lớn trong vùng đưa hàng về cảng như: dự án cầu Vàm Cống, dự án nhiệt điện Sông Hậu; qua đó cùng với các khách hàng thuê kho tại Cảng Cái Cui đã cho thuê, khai thác gần hết phần bãi và kho được đầu tư trên phần đất Cảng Cái Cui giai đoạn I. Ngoài ra, phục vụ nhà máy sản xuất xi măng của Công ty Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang tại KCN Sông Hậu, tỉnh Hậu Giang.
- ↓ Hợp tác, thuê ngoài một số phương tiện chuyên dụng để thu hút và bốc xếp các mặt hàng: container, thiết bị về cảng làm hàng, nâng cao năng suất và chất lượng phục vụ khách hàng; đồng thời, rà soát điều chuyển các phương tiện còn khả năng khai thác nhưng chưa hiệu quả tại cảng chuyển về Cảng Hoàng Diệu hoặc cho thuê bên ngoài để tạo doanh thu.
- ↓ Rà soát đàm phán cắt giảm các chi phí: đàm phán lại giá thuê phương tiện bên ngoài, tiết giảm các chi phí không cần thiết.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

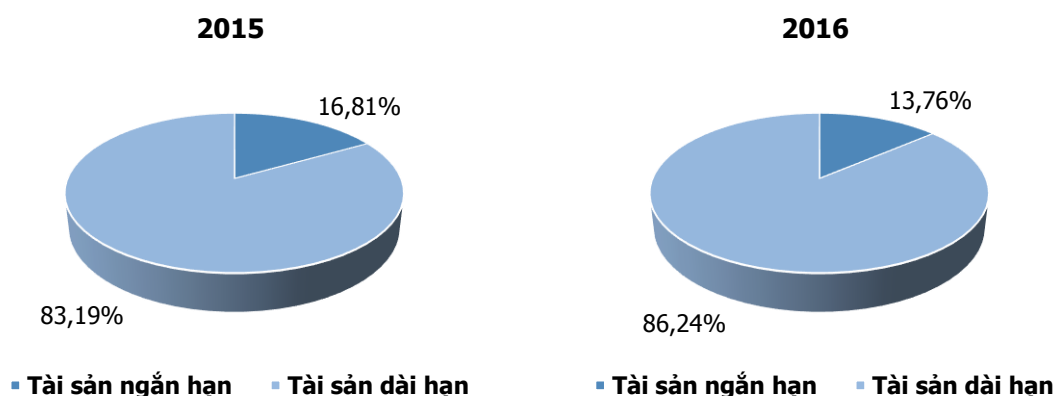


Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2016	% tăng giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	69,71	52,50	-24,69%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	345,05	328,92	-4,67%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	414,76	381,42	-8,04%

Trong năm 2016, Tổng tài sản của Công ty năm 2016 đạt 381,42 tỷ đồng, giảm 8,04% so với năm 2015, chủ yếu do sự sụt giảm của các khoản mục như: tiền và tương đương tiền, phải thu khách hàng và tài sản cố định hữu hình. Nguyên nhân chủ yếu là do lượng khách hàng trong năm suy giảm gây ảnh hưởng đến nguồn thu và sự giảm giá trị tài sản cố định do chính sách khấu hao.

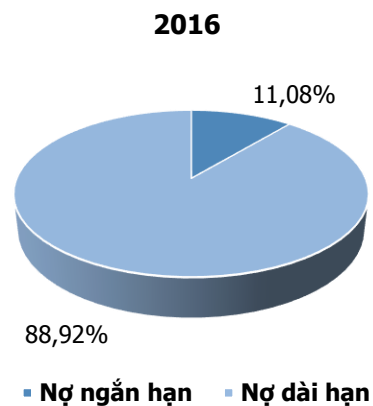
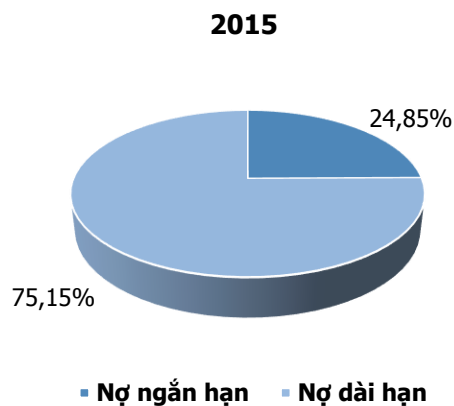
Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản, chiếm 83,19% năm 2015 và 86,24% trong năm 2016.



Tình hình nợ phải trả

Chi tiêu	ĐVT	31/12/2015	31/12/2016	% tăng giảm
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	34,71	13,27	-61,77%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	104,97	106,46	1,42%
Tổng nợ	Tỷ đồng	139,67	119,73	-14,28%

Tỷ lệ nợ của Công ty có xu hướng giảm, cụ thể trong năm 2016 Tổng nợ phải trả giảm từ 139,67 tỷ đồng xuống còn 119,73 tỷ đồng, tương đương giảm 14,28% so với năm 2015. Nguyên nhân chính là do khoản nợ vay từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương đã giảm 5 tỷ đồng. Điều này cho thấy, Công ty đã dần chủ động hơn về nguồn vốn và giảm áp lực trả lãi vay cho Công ty.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ↯ Công ty đã ký kết được hợp đồng cung ứng dịch vụ bốc xếp trang thiết bị, quặng, hàng rời cho các dự án lớn, các doanh nghiệp nổi trội trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Hà Tĩnh như: Dự án Điện gió Bạc Liêu, Dự án Nhà máy nhiệt điện Duyên hải, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú, Công ty TNHH Gang Thép Formosa Hà Tĩnh tại dự án Nhà máy Gang Thép Formosa Hà Tĩnh, Công ty TNHH Giấy Lee & Man tại dự án Nhà máy Giấy Lee & Man Hậu Giang,... Tính riêng đối với hợp đồng bốc xếp than đá phục vụ cho nhà máy nhiệt điện thuộc dự án nhà máy giấy Lee & Man Hậu Giang dự kiến sản lượng năm 2017 đạt 4.000 TEUs/tháng.
- ↯ Công ty đã tiên phong tham gia thực hiện bốc xếp, chuyển tải hàng hóa xuất nhập khẩu (chủ yếu là hàng rời, quặng, hàng bao) từ các tàu biển lớn (50.000 DWT trở lên) neo đậu tại khu vực phao 0 của Luồng Định An sang các phương tiện nhỏ hơn phù hợp với thiết kế luồng để chuyên chở hàng hóa vào các dự án, công trình, nhà máy lớn trong vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và chuyển tải sang Campuchia. Đây là giải pháp quan trọng nhằm hóa giải một phần “nút thắt” giới hạn của luồng dẫn vào các cảng trên sông Hậu trong nhiều năm qua.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhận định chung về tình hình hiện nay

Thuận lợi

- ↯ Luồng kênh Quan Chánh Bố dự kiến sẽ thông luồng, cho phép các tàu có tải trọng lớn 10.000 tấn đẩy tải và tàu 20.000 tấn với tải vào các cảng trên sông Hậu làm hàng.
- ↯ Nhiều dự án lớn trong vùng sẽ được bắt đầu và đẩy mạnh triển khai trong năm như dự án cầu Vàm Cống, dự án nhiệt điện Sông Hậu, dự án Điện gió Bạc Liêu giai đoạn III, dự án điện gió Trà Vinh, dự án nhà máy giấy Lee & Man... qua đó dự kiến sẽ tạo lượng hàng lớn qua các bến cảng.
- ↯ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tiếp tục quan tâm chỉ đạo tăng cường công tác phối hợp giữa các đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và Cảng Cần Thơ trong việc khai thác hàng hóa tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Khó khăn

- ↯ Cảng tiếp tục gặp sự cạnh tranh quyết liệt của các cảng hiện tại như: Cảng An Giang, Cảng Bảo Mai, Tân Cảng Thốt Nốt và sắp tới đây là Công ty lương thực sông Hậu tại các khu vực Vàm Cái Sắn, KCN Thốt Nốt; cảng Trà Nóc tại KCN Trà Nóc; đặc biệt là Tân Cảng Cái Cui và các cảng trong khu vực. Đây là khó khăn lớn nhất vì lượng hàng hóa trong khu vực phục vụ xung quanh Cảng chưa có sự tăng trưởng mạnh nhưng lại phải chia sẻ nguồn hàng với nhiều đơn vị cùng ngành nghề.

- ⚓ Hệ thống trang thiết bị bốc xếp của cảng đã lạc hậu, năng suất thấp làm ảnh hưởng đến việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng. Thiếu các trang thiết bị bốc xếp chuyên dụng và hạ tầng phục vụ hàng container tại Cảng nên dự kiến sẽ vẫn gặp khó khăn trong việc thu hút được các hãng tàu đưa phương tiện tàu biển lớn vào khai thác hàng hóa nhất là hàng container.
- ⚓ Hệ thống kho, bãi được đầu tư trước đây của cảng đã được khai thác hết; do vậy sẽ thiếu kho, bãi và quỹ đất để tiếp tục đầu tư cho thuê hạ tầng tại cảng phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- ⚓ Khoản vốn vay đầu tư Cảng Cái Cui giai đoạn 2 tại Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Chương Dương hiện vẫn chưa được xử lý; Năm 2017 dự kiến Cảng Cần Thơ sẽ phải tiếp tục trả thêm phần lãi quá hạn còn treo nợ cho Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam nên áp lực tài chính ngày càng lớn đối với doanh nghiệp.

Tại các khu vực đang khai thác:

Tại bến Cái Cui: dự kiến sản lượng qua cảng sẽ tăng trưởng nhẹ trong năm 2017. Các dự án lớn trong vùng như: dự án cầu Vàm Cống, dự án nhà máy nhiệt điện Sông Hậu, dự án Điện gió Bạc Liêu giai đoạn 03, dự kiến được triển khai trong thời gian tới; hàng than đá phục vụ các dự án nhà máy nhiệt điện tiếp tục được nhập về. Hàng cát đá, vật liệu xây dựng dự kiến được tăng trưởng mạnh trong thời gian tới nhờ vào việc tập trung nhiều nhà cung cấp đang thuê hạ tầng tại Cảng Cái Cui. Hàng clinker phục vụ Nhà máy xi măng Cần Thơ tại Hậu Giang dự kiến tiếp tục duy trì đến giữa năm 2017. Các mặt hàng chủ lực tại bến Cái Cui dự kiến vẫn là hàng container, gạch, thiết bị, cát đá, vật liệu xây dựng, cọc bê tông.



Tại bến Hoàng Diệu: Sản lượng hàng hóa qua Cảng Hoàng Diệu dự kiến sẽ tăng trưởng nhẹ. Các mặt hàng chính là: cám, sắt thép, sắt phế liệu, cát đá xây dựng, đường và thiết bị; Cảng đang thu hút thêm mặt hàng phân bón, clinker, container.

Tại Vàm Cái Sắn: Các mặt hàng chủ yếu vẫn là gỗ lóng nhập khẩu, hàng gạo xuất nội và hàng clinker nhập nội. Sản lượng hàng hóa tại Vàm Cái Sắn dự kiến sẽ tiếp tục giảm so với năm 2016 do các nguyên nhân sau: hoạt động xuất gạo đi Trung Quốc chưa có tín hiệu khả quan; ngoài ra, sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt của: Cảng Mỹ Thới, Cảng Bảo Mai, Tân Cảng Thốt Nốt và Công ty Lương thực Sông Hậu.



Kế hoạch đầu tư năm 2017:

Chủ trương tiếp tục đầu tư Cảng Cái Cui giai đoạn II

- ↓ Giai đoạn I Cảng Cái Cui có diện tích là 9,53 ha được Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ khởi công năm 2002 và hoàn thành tháng 6/2006 với tổng mức đầu tư là 109.671.506.827 đồng gồm: 01 cầu tàu 165 m tiếp nhận tàu 10.000 DWT, kho hàng số 1 có diện tích 3.024 m², bãi hàng 35.820 m².
- ↓ Giai đoạn II có diện tích 13,87 ha được Tổng công ty Hàng hải Việt Nam khởi công xây dựng ngày 11/07/2009 với tổng dự toán là 829.799.174.000 đồng được chia làm 3 giai đoạn gồm 03 cầu tàu dài 500m, 02 kho có diện tích 3.024 m²/kho, bãi hàng 65.665 m² và các phương tiện, thiết bị bốc xếp trị giá 286,421 tỷ đồng.
- ↓ Năm 2014 Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã quyết toán gói thầu số 04 và đưa cầu tàu số 02 vào khai thác sử dụng. Tuy nhiên vì những lý do nhất định, Tổng công ty đã có quyết định tạm dừng thực hiện đầu tư các hạng mục gói thầu số 5 "Xây dựng bãi chứa hàng container, kho CFS và một phần bãi chất rút quanh kho CFS, đường nội bộ (bước 1 và một phần bước 2), đường ngoài cảng, cổng và tường rào, hệ thống cấp điện, nước sinh hoạt, hệ thống thoát nước, hệ thống PCCC (bước 1 và một phần bước 2) và cũng đã chuyển giao Chủ đầu tư từ Tổng công ty về Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Đa phần các hạng mục công trình của gói thầu này đang được thực hiện dở dang nên hiện nay không đủ điều kiện khai thác để tạo ra doanh thu, điều này gây ra sự lãng phí trong khi Chủ đầu tư vẫn phải trả lãi và gốc của vốn vay đầu tư cho Ngân hàng.
- ↓ Hiện nay do nhu cầu thuê kho, bãi của khách hàng việc tiếp tục triển khai đầu tư các hạng mục của Dự án ĐTXD Cảng Cái Cui giai đoạn II là rất cần thiết và cấp thiết, đặc biệt đầu tư từng bước các hạng mục dở dang của gói thầu số 5 là phương án khả thi và phù hợp nhất nhằm mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh của Cảng Cái Cui nói riêng và Công ty CP Cảng Cần Thơ nói chung, thông qua đó sẽ góp phần dần hoàn thiện các hạng mục đầu tư của dự án đã được Tổng công ty Hàng hải Việt Nam phê duyệt.

Chủ trương đầu tư bãi kho 7

- ↓ Trong năm 2016, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ có Tờ trình số 381/TTr-CCT ngày 09/09/2016 về việc xin phê duyệt chủ trương tiếp tục đầu tư các hạng mục của dự án đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II gồm đường nội bộ 8b, 8c có diện tích 31.000 m² và bãi hàng tổng hợp, bãi chứa container có diện tích 24.300 m². Tuy nhiên, suất đầu tư giai đoạn II là 829.799.174.000 đồng được phê duyệt tại Quyết định số 05/QĐ-HHVN ngày 07/01/2009 quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II vượt quá khả năng tài chính hiện tại của Công ty, vì vậy việc phân kỳ đầu tư tiếp tục Cảng Cái Cui giai đoạn II sẽ đảm bảo hiệu quả đầu tư, chủ trương này đang chờ phê duyệt.
- ↓ Ngày 01/9/2016 Công ty CP Cảng Cần Thơ đã ký hợp đồng số 151/2016/TB.CCT.2016 với Công ty TNHH MTV Đầu tư xây dựng Cường Thịnh Gia về việc thuê 3.024 m² bãi để xây kho. Đến nay kho đã xây dựng xong nhưng vẫn chưa có bãi để chứa hàng theo yêu cầu của khách hàng.

Chủ trương đầu tư bãi 5a

- ↓ Ngày 08/06/2016 Cảng Cần Thơ đã có hợp đồng số 128/BX.CCT.2016 với Công ty cổ phần Thành Long thuê 8.000 m² bãi để chứa các linh, cấu kiện cầu Cần Thơ II, tuy nhiên các bãi hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu do khách hàng cần 25.000-30.000 m² bãi. Vì vậy trong năm 2017 Công ty cũng sẽ có chủ trương xin đầu tư 19.200 m² bãi 5a để phục vụ nhu cầu của khách hàng.

Chủ trương đầu tư kho tổng hợp (được chuyển công năng từ kho CFS)

- ↓ Công ty TNHH Bina và Nước giải khát HEINEKEN Việt Nam đang đàm phán với công ty về việc xin thuê kho có diện tích 6.048 m², bãi quanh kho và hệ thống tường rào, nhà văn phòng trên vị trí thiết kế kho CFS.

Chủ trương nâng cấp cải tạo kho, bãi Hoàng Diệu

- ↓ Xây dựng kho hàng 3.024 m² và bãi hàng 5.016 m² để đáp ứng nhu cầu thuê kho bãi của khách hàng.

Chủ trương đầu tư khu đất mở rộng 14,97 ha

- ↓ Do nhu cầu phát triển, Công ty đang xây dựng đề án Cái Cui depot hợp tác đầu tư dự kiến kinh phí thực hiện 200 tỷ để có cơ sở trình Hội đồng quản trị xin thuê đất dài hạn phần đất dự trữ mở rộng Cảng Cái Cui giai đoạn II là 14,97 ha, Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ chỉ phê duyệt cho thuê đất khi Công ty có dự án và phải sử dụng hết quỹ đất đã được cho thuê
- ↓ Ngoài ra, năm 2017 Công ty còn có chủ trương đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cung cấp cho tàu tại chi nhánh Cảng Cái Cui, xây dựng 20 kiot, xây dựng văn phòng đại diện Vàm Cái Sắn và bến phao đưa rước công nhân tại chi nhánh Cảng Cái Cui

Đầu tư mua sắm trang thiết bị

- ↓ Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị năm 2017 và cho các năm tiếp theo như sau:
- Đầu tư 02 cần điện chân đế 40 tấn, tầm với > 28 m, căn cứ vào nhu cầu sản xuất kinh doanh Cảng sẽ hợp tác đầu tư.
 - Xe nâng 10 tấn. Giá trị đầu tư dự kiến 1,7 tỷ
 - Xe xúc lật >= 5 tấn. Giá trị đầu tư dự kiến 0,6 tỷ
 - Xe 03 reach stacker thanh lý. Giá trị đầu tư 2,6 tỷ
 - Đầu tư cần trục 150 tấn. Giá trị đầu tư dự kiến 7-10 tỷ dưới 10 năm
 - Đầu tư cần trục 50 tấn. Giá trị đầu tư dự kiến 3 tỷ
 - Đầu tư xe tải cầu thùng 10-15 tấn. Giá trị đầu tư dự kiến 2-3 tỷ
 - Đầu tư xe cẩu 03. Giá trị đầu tư dự kiến 1 tỷ
 - Đầu tư băng tải. Giá trị đầu tư dự kiến 0,5 tỷ
 - Đầu tư 02 xà lan 400 tấn. Giá trị đầu tư dự kiến 2,4 tỷ
 - Đầu tư 02 bến phao Vàm Cái Sắn. Giá trị đầu tư dự kiến 3,4 tỷ
 - Đầu tư 02 xe đầu kéo. Giá trị đầu tư dự kiến 2 tỷ

Công ty đặt chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận năm 2017 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017
Sản lượng	Tấn	2.042.500
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	91,618

CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2017

Giải pháp về sản xuất kinh doanh

- ⚓ Tiếp tục đầu tư kho, bãi và đường giao thông để khai thác phần đất còn trống tại chi nhánh Cảng Cái Cui và Cảng Hoàng Diệu.
- ⚓ Rà soát, quy hoạch lại hệ thống kho, bãi và đường giao thông nhằm tăng diện tích cho thuê. Xây dựng thêm Kiot cho thuê hoặc hợp tác khai thác mặt tiền phía trước Cảng Hoàng Diệu phục vụ kinh doanh dịch vụ thương mại.
- ⚓ Tổ chức và nâng cao chất lượng cung cách phục vụ của các đội công nhân bốc xếp chuyên nghiệp tại các cảng để góp phần thu hút thêm khách hàng và hàng hóa về cảng.
- ⚓ Thực hiện kiểm tra, đánh giá lại tất cả các trang thiết bị bốc xếp của cảng. Đối với các trang thiết bị đã quá lạc hậu, thường xuyên hư hỏng, hiệu quả khai thác thấp, không đáp ứng được yêu cầu về an toàn và yêu cầu của khách hàng sẽ tiến hành thanh lý; đồng thời, đầu tư mới và/hoặc hợp tác đầu tư, khai thác một số trang thiết bị có năng suất cao, chuyên dụng, năng lực xếp dỡ tốt nhằm cải thiện năng suất, hiệu quả bốc xếp hàng hóa của cảng, tạo sự tin tưởng của khách hàng và tạo lợi thế cạnh tranh cho cảng trong việc thu hút các mặt hàng có giá trị gia tăng cao như container, hàng thiết bị, container.
- ⚓ Phát động và đẩy mạnh phong trào đăng ký thi đua sản xuất, đăng ký sáng kiến cải tiến kỹ thuật công nghệ và phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cán bộ công nhân viên nhằm tiết kiệm chi phí, cải tiến năng suất lao động của Công ty.
- ⚓ Tăng cường phối hợp với các đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam trong công tác thị trường, cùng phối hợp đi tiếp thị, xây dựng chuỗi sản phẩm dịch vụ tiện ích trên cơ sở các thế mạnh sẵn có của các đơn vị thành viên nhằm mang lại lợi ích, tăng sức cạnh tranh cho mỗi đơn vị. Trong đó tập trung vào các mặt hàng như gạo, clinker, phân bón, container và hàng thiết bị thuộc các dự án lớn trong vùng.
- ⚓ Phối hợp với các hãng tàu và hãng vận tải để sớm thành lập depot container tại Cảng Cái Cui nhằm thu hút thêm hàng container nội địa và xuất nhập khẩu về Cảng. Tiến tới thực hiện thuê phần đất dự trữ mở rộng Cảng Cái Cui để xây dựng ICD tại Cảng Cái Cui.
- ⚓ Tăng cường việc giao dịch, thương thảo, kết toán sản lượng với khách hàng qua hệ thống email để tiết kiệm thời gian và nhân lực.
- ⚓ Tiếp nhận chuyển giao và vận hành các phần mềm Công nghệ thông tin tiên tiến trong quản lý khai thác cảng biển từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam như:
 - Ứng dụng công nghệ để cho phép khả năng theo dõi, truy xuất, quản lý sự di chuyển và giao nhận hàng hóa;
 - Phát triển công nghệ vận chuyển, tập trung vào công nghệ tự động nhận diện container và giải phóng hàng hóa nhanh chóng, giảm thiểu chi phí xếp dỡ hàng trên bãi,...
 - Phát triển công nghệ kết nối thông tin giữa các chủ hàng, người vận chuyển đường bộ, chủ tàu, cảng biển...

- ↯ Nghiên cứu kỹ việc đầu tư khu neo đậu chuyển tải cho tàu biển lớn tại khu vực phao 0 luồng Định An để tổ chức chuyển tải hàng hóa phục vụ các nhà máy nhiệt điện trên luồng và hàng khoáng sản xuất khẩu của Campuchia, đảm bảo hiệu quả đầu tư khi triển khai.
- ↯ Phối hợp với các cảng, hãng tàu, đơn vị vận tải hình thành tuyến vận tải container nội vùng Mekong và ra khu vực Đông Nam Á

Giải pháp Marketing

- ↯ Đẩy mạnh các giải pháp marketing để thu hút lượng hàng qua cảng.
- ↯ Tạo mối liên kết tốt với các chủ hàng, đại lý, công ty logistics, đơn vị vận tải thông qua chủ động nắm bắt thông tin thị trường; kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị đối tác, tháo gỡ khó khăn và tiếp nhận ý kiến góp ý nhằm cải tiến chất lượng dịch vụ của cảng; đồng thời, kết hợp thực hiện công tác thu hồi công nợ của khách hàng.
- ↯ Tăng cường tiếp thị, tạo mối liên kết với các chủ đầu tư, chủ thầu để tham gia đấu thầu hoặc tham gia cung cấp dịch vụ logistics, bốc xếp hàng hóa, nguyên vật liệu, lắp đặt dây chuyền sản xuất, thiết bị, máy móc, nhà xưởng và cho thuê thiết bị, phương tiện tại các dự án lớn trong vùng như: dự án cầu Vàm Cống, dự án Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải, Nhà máy nhiệt điện Long Phú, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu, dự án Điện gió Bạc Liêu, dự án điện gió Trà Vinh,...
- ↯ Đẩy mạnh xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự làm công tác marketing, nghiên cứu, phân tích thị trường nhằm nắm bắt nhu cầu, ý kiến của khách hàng. Trên cơ sở đó, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của Cảng Cần Thơ trong thị trường kinh doanh cảng biển và dịch vụ logistics hiện nay tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, từ đó có sự điều chỉnh phù hợp để xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm chuyên biệt hóa các sản phẩm dịch vụ cốt lõi của Cảng Cần Thơ để thỏa mãn hơn nữa nhu cầu và giữ vững được sự tin nhiệm của các khách hàng hiện có, sự quay trở lại của các khách hàng cũ khi họ có nhu cầu.
- ↯ Tăng cường công tác xây dựng và quảng bá thương hiệu.
- ↯ Kien toan hoat dong cua Trung tam Logistics Can Tho qua viec tap trung dau tu von, nhan luc va phat trien chuoi dich vu nhaim day manh cac dich vu sau can, xay dung cac san pham, dich vu moi nhaim mo rong quy mo, linh vuc, thi truong kinh doanh, thu hut them cac khach hang moi, tao nguon doanh thu on dinh cho Can Tho trong thoi gian toi.

Giải pháp về tài chính

- ⌵ Tiếp tục phối hợp với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giải quyết khoản nợ tại Ngân hàng VIETINBANK – Chi nhánh Chương Dương theo hướng đàm phán chuyển nợ thành vốn góp hoặc cơ cấu lại khoản nợ khoan nợ, giãn nợ, khoan/giảm lãi nhằm tạo sự ổn định về tài chính cho doanh nghiệp.
- ⌵ Tiếp tục khẩn trương làm việc với các Ban chuyên môn của Tổng công ty, đơn vị tư vấn và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhằm sớm hoàn thành việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Cảng Cần Thơ trên hệ thống giao dịch UPCOM. Đây là tiền đề quan trọng để thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia mua cổ phần của cảng để hợp tác đầu tư phát triển cảng, áp dụng các quy chuẩn quản trị hiện đại trong hoạt động quản lý và khai thác cảng.
- ⌵ Có chính sách khen thưởng đối với cá nhân mang được khách hàng đưa hàng hóa về cảng.

Giải pháp về quản trị

- ⌵ Sắp xếp lại bộ máy Quản lý điều hành, cơ cấu lại tổ chức bộ máy công ty và các Chi nhánh.
- ⌵ Giao quyền chủ động cho các chi nhánh trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế theo phân cấp; tự chủ trong hoạch toán sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu giao của Công ty. Đưa hoạt động tiếp thị, tiếp cận, chăm sóc khách hàng về các chi nhánh để phục vụ khách hàng tốt hơn.
- ⌵ Từng bước chuẩn hóa đội ngũ nhân sự từ khâu tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ.
- ⌵ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua việc:
 - Cải thiện môi trường làm việc theo hướng an toàn, khoa học; quan tâm nâng cao thu nhập, chế độ, chính sách đãi ngộ cho người lao động, nhất là các lao động có tay nghề cao; xây dựng cơ chế và tạo động lực để người lao động chủ động tham gia đóng góp, cống hiến vì công ty và cho xã hội.
 - Đưa các tiêu chuẩn giá trị cốt lõi: "Kỷ luật, tận tâm, chuyên nghiệp, sáng tạo, đồng lòng" vào các đánh giá chất lượng lao động của doanh nghiệp hàng tháng, quý năm. Định kỳ tổ chức tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể hoàn thành các tiêu chí đánh giá nêu trên.
 - Thường xuyên tuyên truyền các giá trị văn hóa doanh nghiệp: tầm nhìn, sứ mệnh, mỗi giao tiếp cộng đồng,... đến mọi cán bộ, công nhân viên trong công ty và các đối tác, khách hàng của cảng thông qua nhiều hình thức như sổ tay, bản tin, brochure, website, các buổi team-building, các hội thi thể thao, sáng tác,...
- ⌵ Kết hợp với Tổng công ty khẩn trương xây dựng, kiện toàn các quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng, tiến tới xây dựng quy trình vận hành chuẩn (SOP – Standard Operating Procedure) trong quản lý và khai thác cảng đáp ứng tiêu chuẩn ISO trong thời gian tới.
- ⌵ Tiếp tục rà soát, xây dựng kiện toàn các Quy chế, quy định của Công ty tạo điều kiện để thể chế hóa các hoạt động của công ty.
- ⌵ Tăng cường công tác giám sát việc triển khai thực hiện các hợp đồng, luân chuyển hồ sơ, quản lý hóa đơn, công nợ; công tác quản lý tài sản, phương tiện tại các chi nhánh và văn phòng Công ty.
- ⌵ Kiện toàn công tác thống kê, báo cáo tại Văn phòng Công ty và các chi nhánh nhằm đáp ứng kịp thời công tác giám sát của người đại diện phần vốn Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ và báo cáo kiểm soát của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Chuẩn bị nguồn vốn và công tác đầu tư nâng cấp cảng

- ⚓ Đẩy mạnh thu hút đầu tư, thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển; trong đó tập trung việc kêu gọi nguồn vốn hợp tác đầu tư khai thác hạ tầng và trang thiết bị tại cảng.
- ⚓ Khẩn trương làm việc với các đối tác tiềm năng để hợp tác thực hiện dự án đầu tư mở rộng Cảng Cái Cui tại phần đất dự trữ 14,97 ha; tập trung vào việc xây dựng depot container và kho, bãi cho khách hàng thuê.
- ⚓ Tăng cường công tác kiểm tra và giám sát các công trình, dự án đầu tư, bảo đảm tuân thủ đúng quy định của pháp luật.
- ⚓ Chú trọng công tác quản lý sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện, hạ tầng nhằm tăng hiệu quả trong công tác sử dụng nguồn lực.

Về công tác tổ chức – đào tạo

- ⚓ Phối hợp với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và đơn vị cung cấp phần mềm tiếp nhận, tổ chức đào tạo, tập huấn sử dụng các phần mềm công nghệ thông tin tiên tiến nêu trên trong quản lý, khai thác cảng biển. Đồng thời kiện toàn hoạt động của lực lượng cán bộ IT trực thuộc Công ty để đảm bảo việc triển khai áp dụng phần mềm đồng bộ, nhanh chóng và hiệu quả.
- ⚓ Làm tốt công tác đánh giá hiệu quả lao động của cán bộ, công nhân viên; gắn việc trả công với năng suất, chất lượng lao động; thường xuyên rà soát nhu cầu, đánh giá trình độ lao động tại các đơn vị để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.
- ⚓ Kiện toàn lại lực lượng lao động trực tiếp. Thường xuyên kiểm tra, tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng lái cầu. Tuyển dụng mới lực lượng lái cầu đáp ứng nhu cầu khai thác tại cảng hiện tại. Trước mắt phối hợp với các Trung tâm đào tạo nghề tổ chức đào tạo lực lượng lái cầu để tạo thêm doanh thu cho đơn vị, vừa có điều kiện kiểm tra thực tế, rà soát, lựa chọn các cá nhân có năng lực tốt để tuyển dụng trong tương lai.
- ⚓ Quan tâm đến công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ đối với lực lượng lao động gián tiếp và lực lượng phục vụ sản xuất để tạo thuận lợi cho đơn vị trong việc luân chuyển lao động giữa các chi nhánh và giữa các khối lao động.
- ⚓ Tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ của các phòng chuyên môn; trong đó, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ nhất là bộ phận kinh doanh, khai thác và chăm sóc khách hàng; Ngoài ra, cần đào tạo, nâng cao nghiệp vụ khai thác dịch vụ logistics của Trung tâm Logistics Cần Thơ, Phòng Kinh doanh Khai thác và các ban Khai thác điều độ tại cảng. Bên cạnh đó, tranh thủ sự giúp đỡ quý báu của các cán bộ biệt phái có nhiều kinh nghiệm trong thời gian còn lại để kiện toàn, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn của các bộ phận.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ luôn quan tâm tới vấn đề bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe của người lao động. Song song với việc phát triển các dịch vụ hiện có và đa dạng hoá các sản phẩm mới, Công ty cũng rất chú trọng áp dụng một số giải pháp, công nghệ tiên tiến nhằm thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường như:

- ⌵ Áp dụng các phương pháp kỹ thuật hiện đại nhằm duy trì, cải tiến hệ thống quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động.
- ⌵ Giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu gây hại cho môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, về an toàn – phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo hạn chế những thiệt hại về người và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- ⌵ Ngoài ra, Công ty có các buổi huấn luyện về công tác phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên để nâng cao kỹ năng giải quyết các trường hợp không mong muốn có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của Công ty.
- ⌵ Hơn thế nữa, Cảng Cần Thơ hằng năm có các hoạt động thiết thực nhằm góp phần chia sẻ với cộng đồng như: tổ chức đêm hội trăng rằm, tặng quà cho các trẻ em bị khuyết tật, các hoạt động về nguồn cũng được Công ty tổ chức nhằm nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh,...



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Ý kiến giải trình của Ban Tổng Giám đốc về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán độc lập

Về khoản trích lập dự phòng phải thu nợ khó đòi: 1.116.016.252 đồng. Khoản nợ này chủ yếu là khoản nợ phải thu khách hàng. Tuy nhiên, các khoản phải thu khách hàng này Công ty vẫn duy trì thu hồi và giữ mối liên hệ thường xuyên với khách hàng. Trong đó, một số khách hàng hiện đang thực hiện hợp đồng với Công ty.





04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Công ty	67
hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	73
Kế hoạch, định hướng trong tương lai của HĐQT	73





ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Bước sang năm 2016, năm thứ hai Cảng Cần Thơ hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, ngay từ đầu năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ đã gặp nhiều khó khăn khách quan và chủ quan tác động xấu đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016, trong đó có một số nguyên nhân đã bắt đầu xuất hiện từ năm 2015, cụ thể như sau:

- ⚓ Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu qua kênh Quan Chánh Bồ vẫn chưa chính thức được công bố thông luồng.
- ⚓ Các khu công nghiệp thuộc vùng khai thác của Cảng Cái Cui như Khu công nghiệp Hưng Phú, Khu công nghiệp Sông Hậu phát triển với tốc độ chậm; Cảng Hoàng Diệu có vị trí cách xa Khu công nghiệp Trà Nóc hơn so với Cảng Trà Nóc của Công ty Lương thực Sông Hậu; Các dự án lớn trong vùng đồng bằng Sông Cửu Long như: cầu Vàm Cống, Nhà máy giấy Lee & Man Việt Nam, Điện gió Bạc Liêu giai đoạn 3, Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1, Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1...có tiến độ triển khai chậm nên nguồn hàng thiết bị về khu vực đồng bằng Sông Cửu Long suy giảm.
- ⚓ Một số nguồn hàng chính chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu sản lượng và doanh thu của Cảng Cần Thơ như gạo, clinker, container đều bị suy giảm sản lượng trong năm 2016. Cụ thể:
 - Mặt hàng gạo xuất khẩu bốc xếp tại khu vực Vàm Cái Sắn là mặt hàng có sản lượng bốc xếp cao nhất trong tổng sản lượng bốc xếp của Cảng Cần Thơ.
 - Trong năm 2016, các khu vực khai thác chính của Cảng Cần Thơ đều bị chia sẻ nguồn hàng với các đơn vị, cụ thể: Cảng Mỹ Thới, Cảng Bão Mai, Cảng Tân Cảng – Thốt Nốt tại khu vực Vàm Cái Sắn – Thốt Nốt; Cảng Trà Nóc tại bến Hoàng Diệu; Cảng Tân Cảng – Cái Cui. Điều này đã làm cho sản lượng bốc xếp các mặt hàng chính của Cảng Cần Thơ trong năm 2016 đều suy giảm.



Sản lượng bốc xếp một số mặt hàng mặt hàng chính

STT	Khu vực khai thác	Tên hàng	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016	Sản lượng năm 2016/năm 2015	
						Giá trị	Tỷ lệ
1	Vàm Cái Sắn	Gạo	Tấn	1.059.524	654.936	(404.588)	(0,38)
		Clinker	Tấn	236.694	166.359	(70.355)	(29,72)
2	Hoàng Diệu	Vật liệu xây dựng	Tấn	80.560	20.796	(59.764)	(74,12)
		Clinker	Tấn	42.236	22.522	(19.714)	(46,68)
3	Cái Cui	Container	Tấn	22.153	16.189	(5.964)	(26,92)
		Hàng khác	Tấn	703.179	327.508	(375.671)	(53,42)



- ⚓ Dự án đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn 2 hiện nay vẫn còn đang dở dang, nhiều hạng mục chưa thể đưa vào khai thác. Đối với hạng mục cầu tàu số 2 có chiều dài 200m có khả năng tiếp nhận tàu có trọng tải đến 20.000 DWT đã được đầu tư hoàn chỉnh. Tuy nhiên, do các nguyên nhân như tàu biển có trọng tải 10.000DWT đầy tải – 20.000 DWT giảm tải chưa thể ra vào sông Hậu và sự chia sẻ nguồn hàng của các đơn vị trong khu vực nên Cảng Cái Cui chưa hoạt động hết công suất bốc xếp. Trong khi đó, kể từ năm 2015, Cảng Cần Thơ đã phải trả nợ của khoản vay tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương (Vietinbank Chương Dương) để đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn 2. Năm 2016, Cảng Cần Thơ đã chi trả cho Vietinbank Chương Dương với tổng số tiền cả gốc và lãi vay là 8.444.607.896 đồng.
- ⚓ Trong năm 2016, UBND thành phố Cần Thơ có quyết định thu hồi khu đất có diện tích 2,5 ha Cảng Cần Thơ đang thuê với hình thức trả tiền thuê đất hàng năm đã làm giảm diện tích bãi khai thác của Cảng Cái Cui.
- ⚓ Hệ thống trang thiết bị bốc xếp của cảng (đặc biệt là tại Cảng Hoàng Diệu) đã lạc hậu, công suất bốc xếp thấp, chi phí sửa chữa tăng làm ảnh hưởng đến việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như giảm tính cạnh tranh, giảm sự tin tưởng của khách hàng đối với năng lực của Cảng Cần Thơ trước các đơn vị mới thành lập được đầu tư trang thiết bị bốc xếp hiện đại, công suất lớn.
- ⚓ Dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2 chưa được đầu tư hoàn chỉnh làm hạn chế đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ trong việc tăng doanh thu, lợi nhuận trong khi cảng thiếu nguồn vốn để đầu tư mới các trang thiết bị bốc xếp, hoàn chỉnh hạ tầng khai thác cảng của dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2 và trả nợ cho Vietinbank Chương Dương.
- ⚓ Bộ máy tổ chức của Cảng Cần Thơ còn chưa hợp lý dẫn đến việc phân bổ quỹ lương chưa kích thích được khối sản xuất trực tiếp nâng cao năng suất lao động. Trong thời gian qua đã có nhiều trường hợp lao động lành nghề chuyển sang làm việc tại các cảng khác trong khu vực với mức thu nhập tốt hơn.



Sau khi kết thúc Quý 1 năm 2016, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ nhận thấy tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 xuất hiện nhiều khó khăn cả khách quan và chủ quan sẽ gây bất lợi đến kết quả sản xuất kinh doanh của cảng nên ngay sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 22/4/2016, Hội đồng quản trị đã tiến hành cuộc họp để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 và tìm kiếm ngay các giải pháp nhằm vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt đặc biệt là những giải pháp nhằm ứng phó trước tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều diễn biến bất lợi.

Trước tình hình tài chính hạn hẹp, việc đầu tư mới hệ thống trang thiết bị bốc xếp hiện đại và đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục khai thác thuộc dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2 là rất khó khăn với Cảng Cần Thơ. Trước tình đó, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã chấp thuận cho Ban Điều hành Cảng Cần Thơ thực hiện hợp tác kinh doanh kho, bãi với các đối tác theo hướng Cảng Cần Thơ sẽ cho đối tác thuê bãi tự thực hiện đầu tư kho, bãi để khai thác, Cảng Cần Thơ sẽ thực hiện dịch vụ khác. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ cũng chấp thuận chủ trương cho Tổng giám đốc Cảng Cần Thơ nghiên cứu hợp tác khai thác phương tiện bốc xếp theo thỏa thuận với các đơn vị có thiết bị tại bãi cảng.



Hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ gặp nhiều khó khăn, nguồn hàng thông qua bị suy giảm, dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2 được đầu tư còn dở dang, không thể khai thác ngoại trừ cầu tàu số 2. Thực tế hiệu quả khai thác của cầu tàu số 2 tại Cảng Cái Cui chưa bù đắp được chi phí khấu hao cầu tàu này. Mặt khác Cảng Cần Thơ thiếu vốn để đầu tư hoàn chỉnh các hạng mục dở dang của dự án Cảng Cái Cui giai đoạn 2 nên đã gây khó khăn cho Cảng Cần Thơ trong việc trả nợ vay của Vietinbank Chương Dương. Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Cảng Cần Thơ đã nhiều lần chủ động và phối hợp với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đàm phán với Vietinbank nhằm tái cơ cấu khoản nợ của Cảng Cần Thơ theo hướng chuyển nợ thành vốn góp hoặc khoan nợ, giãn nợ, giảm lãi vay cho Cảng Cần Thơ. Tuy nhiên vẫn chưa có kết quả.

Nhằm mục đích tăng cường khai thác lĩnh vực logistics, tạo công ăn việc làm cho người lao động và hỗ trợ phát triển dịch vụ khai thác cảng, tại cuộc họp ngày 17/5/2016, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã phê duyệt việc thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm logistics Cần Thơ. Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ tiếp tục chỉ đạo Tổng giám đốc cảng thực hiện rà soát lại tình hình lao động của Công ty nhằm điều chuyển nhân sự đảm bảo tạo điều kiện cho từng người lao động phát huy được năng lực của mình, sử dụng hợp lý nguồn nhân lực sẵn có của Cảng Cần Thơ.

Được sự giúp đỡ của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, tháng 9 năm 2016, Cảng Cần Thơ đã tổ chức Khóa đào tạo về tổ chức khai thác cảng, dịch vụ logistics và nghệ thuật bán hàng cho các quản lý chủ chốt và các nhân sự thuộc khối sản xuất kinh doanh nhằm bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc trong tình hình thị trường đang được chuẩn hóa.

Bên cạnh đó, nhằm nắm bắt đầy đủ thông tin, tình hình hoạt động của Công ty để chủ động cùng với Ban Điều hành nghiên cứu, tìm kiếm các giải pháp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành thực hiện tốt nhất chức năng điều hành của mình. Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã nhiều lần chủ động tham gia vào các cuộc họp chuyên đề của Ban Tổng giám đốc để lắng nghe các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại từng đơn vị, từ đó Hội đồng quản trị đã cùng với Ban Tổng giám đốc và các đơn vị xây dựng các giải pháp và kịp thời giải quyết những tồn tại, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo điều kiện cho các đơn vị hoạt động hiệu quả hơn.

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo đúng các quy định tại Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và tình hình thực tế của Cảng Cần Thơ; Ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo cán bộ, công nhân viên Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ, Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các Chi nhánh trực thuộc của Công ty; Xem xét, cho ý kiến sửa đổi, bổ sung đối với các quy chế: Quy chế công bố thông tin, Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế quản lý nợ (03 quy chế này đã được Hội đồng quản trị ban hành đầu năm 2017), Quy chế quản lý tài chính, Quy chế tiền lương và Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

Mặc dù Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã triển khai nhiều giải pháp nhằm ổn định và tháo gỡ những khó khăn của tình hình sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Cảng Cần Thơ chưa đạt được như kỳ vọng mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã đề ra.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2016	TH năm 2015	TH năm 2016
1	Sản lượng	Tấn	3.287.000	2.933.948	2.075.838
	<i>Trong đó: Container</i>	<i>Teu</i>	<i>34.000</i>	<i>25.649</i>	<i>19.366</i>
2	Doanh thu	Tỷ đồng	149,80	131,07	92,79
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,00	(8,87)	(12,97)
4	Lợi nhuận trước thuế (*)	Tỷ đồng		1,08	

(*): Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/4/2015. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (từ 01/4/2015 – 31/12/2015) có lợi nhuận trước thuế là 1,077 tỷ đồng



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trước tình hình sản xuất kinh doanh năm 2016 gặp nhiều khó khăn, bất lợi, Ban Điều hành Cảng Cần Thơ cũng đã nỗ lực, chủ động nghiên cứu, xây dựng và triển khai nhiều giải pháp trong điều kiện nguồn lực của Cảng Cần Thơ còn hạn chế để từng bước ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước sự cạnh tranh ngày càng gia tăng và diễn biến khó lường của tình hình thị trường; Đồng thời tìm kiếm, chuyển dịch hoạt động sang các khu vực, thị trường khác để bù đắp sự suy giảm tại các thị trường chính của Công ty.

Ban Điều hành Cảng Cần Thơ đã triển khai thực hiện có trách nhiệm các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban Điều hành đã báo cáo, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp để hạn chế những bất lợi của tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2016 của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Từ những tồn tại của năm 2016, tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 một số nội dung chính của kế hoạch hoạt động năm 2017 của Hội đồng quản trị như sau:

- ↓ Rà soát, quy hoạch lại hệ thống kho, bãi và đường giao thông. Tiếp tục đầu tư thêm hệ thống kho, bãi bằng nhiều hình thức nhằm khai thác phần diện tích còn trống tại Cảng Cái Cui và Cảng Hoàng Diệu. Xây dựng thêm Kiốt để cho thuê hoặc hợp tác khai thác mặt tiền phía trước Cảng Hoàng Diệu phục vụ kinh doanh dịch vụ thương mại.
- ↓ Rà soát, thực hiện điều phối phương tiện và nhân lực giữa các đơn vị nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lực sẵn có và nâng cao năng lực khai thác của Cảng Cần Thơ. Tổ chức và nâng cao chất lượng phục vụ của các đội công nhân bốc xếp chuyên nghiệp tại các cảng.
- ↓ Thực hiện kiểm tra, đánh giá lại tất cả các trang thiết bị bốc xếp của cảng. Đối với các trang thiết bị đã quá lạc hậu, thường xuyên hư hỏng, hiệu quả khai thác thấp, không đáp ứng được yêu cầu về an toàn và yêu cầu của khách hàng sẽ tiến hành thanh lý; đồng thời, đầu tư mới và/hoặc hợp tác đầu tư, khai thác một số trang thiết bị có năng suất cao, chuyên dụng, năng lực xếp dỡ tốt nhằm cải thiện năng suất, hiệu quả bốc xếp hàng hóa của cảng, tạo sự tin tưởng của khách hàng và tạo lợi thế cạnh tranh cho cảng trong việc thu hút các mặt hàng có giá trị gia tăng cao như container, hàng thiết bị.
- ↓ Tăng cường phối hợp với các đơn vị thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam trong công tác thị trường, cùng phối hợp đi tiếp thị, xây dựng chuỗi sản phẩm dịch vụ tiện ích trên cơ sở các thế mạnh sẵn có của các đơn vị thành viên nhằm mang lại lợi ích, tăng sức cạnh tranh cho mỗi đơn vị. Trong đó tập trung vào các mặt hàng như gạo, clinker, phân bón, container và hàng thiết bị thuộc các dự án lớn trong vùng.



- ↓ Chủ động phối hợp với các hãng tàu, các đại lý vận tải và các đơn vị thành viên của Tổng công ty để sớm xây dựng tuyến vận tải trực tiếp từ Cảng Cần Thơ đi nội địa và khu vực Đông Nam Á.
- ↓ Tăng cường tiếp thị, tạo mối liên kết với các chủ đầu tư, chủ thầu để tham gia đấu thầu hoặc tham gia cung cấp dịch vụ logistics, bốc xếp hàng hóa, nguyên vật liệu, lắp đặt dây chuyền sản xuất, thiết bị, máy móc, nhà xưởng và cho thuê thiết bị, phương tiện tại các dự án lớn trong vùng.
- ↓ Củng cố ngay các bộ phận kinh doanh và thị trường của Công ty. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự làm công tác marketing, nghiên cứu, phân tích thị trường nhằm nắm bắt nhu cầu, ý kiến của khách hàng. Trên cơ sở đó, phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức của Cảng Cần Thơ trong thị trường kinh doanh cảng biển và dịch vụ logistics hiện nay tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, từ đó có sự điều chỉnh phù hợp để xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm chuyên biệt hóa các sản phẩm, dịch vụ cốt lõi của Cảng Cần Thơ để thỏa mãn hơn nữa nhu cầu và giữ vững được sự tín nhiệm của các khách hàng hiện có.
- ↓ Kien toan hoạt động của Trung tâm Logistics Cần Thơ qua việc tập trung đầu tư vốn, nhân lực và phát triển chuỗi dịch vụ kết nối nhằm đẩy mạnh các dịch vụ sau cảng, xây dựng các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm mở rộng quy mô, lĩnh vực, thị trường kinh doanh, thu hút thêm các khách hàng mới, tạo nguồn doanh thu ổn định cho Cảng Cần Thơ trong thời gian tới.
- ↓ Tiếp tục phối hợp với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giải quyết khoản nợ tại Vietinbank Chương Dương theo hướng đàm phán chuyển nợ thành vốn góp hoặc cơ cấu lại khoản nợ theo các hình thức như khoan nợ, giãn nợ, khoan/giảm lãi nhằm tạo sự ổn định về tài chính cho doanh nghiệp.
- ↓ Rà soát, cương quyết cắt giảm hợp lý các loại chi phí có thể tiết giảm được; đồng thời, tìm kiếm các nguồn cung hàng hóa, dịch vụ chất lượng với giá thành rẻ hơn. Tiến tới triển khai thực hiện công tác khoán để nâng cao hiệu quả làm việc; Có chính sách khen thưởng đối với các cá nhân thu hút được khách hàng đưa hàng hóa về cảng.
- ↓ Sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành, cơ cấu lại tổ chức bộ máy công ty và các Chi nhánh; Giao quyền chủ động cho các chi nhánh trong việc ký kết các hợp đồng kinh tế; tự chủ trong hoạch toán sản xuất kinh doanh theo chỉ tiêu giao của Công ty. Đưa hoạt động tiếp thị, tiếp cận, chăm sóc khách hàng về các chi nhánh để phục vụ khách hàng tốt hơn.
- ↓ Xây dựng văn hóa Công ty, cải thiện môi trường làm việc theo hướng an toàn, khoa học; quan tâm nâng cao thu nhập, chế độ, chính sách đãi ngộ cho người lao động, nhất là các lao động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cao và tận tụy với công việc; xây dựng cơ chế và tạo động lực để người lao động chủ động tham gia đóng góp, cống hiến vì công ty và cho xã hội.
- ↓ Kien toan lai lực lượng lao động trực tiếp. Thường xuyên kiểm tra, tổ chức đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng lái cầu. Tuyển dụng mới lực lượng lao động kỹ thuật đáp ứng nhu cầu khai thác tại cảng hiện tại. Trước mắt phối hợp với các Trung tâm đào tạo nghề tổ chức đào tạo lực lượng lái cầu để tạo thêm doanh thu cho đơn vị, vừa có điều kiện kiểm tra thực tế, rà soát, lựa chọn các cá nhân có năng lực tốt để tuyển dụng trong tương lai.



05

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của kiểm toán viên 77

Báo cáo tài chính kiểm toán 79





BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 02 năm 2017, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong năm, Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu quá hạn và khó có khả năng thu hồi. Các tài liệu tại Công ty cho thấy, nếu trích lập dự phòng phải thu khó đòi thì khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn” trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp sẽ giảm đi là 1.116.016.252 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng thêm là 1.116.016.252 VND và lợi nhuận kế toán sau thuế sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

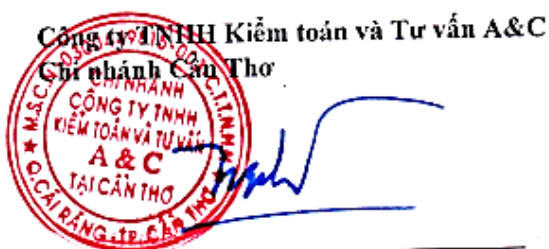
Các vấn đề nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc vấn đề sau:

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chưa quyết toán vốn với Công ty nên khoản lỗ thuộc giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn được chuyển sang giai đoạn Công ty cổ phần với số lỗ là 10.785.895.137 VND, Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ thực hiện chuyển lỗ đối với khoản lỗ của giai đoạn trước cổ phần hoá nên không tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2015 đối với khoản lợi nhuận phát sinh trong giai đoạn Công ty cổ phần. Trong năm 2016, Công ty đã phân phối khoản lợi nhuận này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính đó tại ngày 04 tháng 3 năm 2016. Ngoại trừ liên quan về việc đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chưa quyết toán vốn với Công ty nên khoản lỗ thuộc giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn được chuyển sang giai đoạn Công ty cổ phần với số tiền lỗ là 10.785.895.137 đồng, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ thực hiện chuyển lỗ đối với khoản lỗ của giai đoạn trước cổ phần hoá nên không tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2015 đối với khoản lợi nhuận phát sinh trong giai đoạn Công ty cổ phần.



Nguyễn Hữu Danh - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1242-2013-008-1

Nguyễn Ngọc Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2616-2013-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 08 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.497.743.108	69.710.939.224
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.234.636.343	36.179.686.455
1. Tiền	111		6.934.636.343	9.879.686.455
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.300.000.000	26.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.786.006.841	31.613.239.473
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.671.897.693	26.910.792.945
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.201.826.002	111.900.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	4.258.720.213	4.936.983.595
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(346.437.067)	(346.437.067)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		630.494.383	542.964.707
1. Hàng tồn kho	141	V.7	630.494.383	542.964.707
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		846.605.541	1.375.048.589
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	798.744.899	1.174.646.779
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.860.642	174.476.157
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	25.925.653
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		328.918.045.984	345.053.394.259
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		135.485.000	30.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	135.485.000	30.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		251.569.483.249	268.245.744.610
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	245.960.889.888	262.435.863.441
- Nguyên giá	222		389.015.798.956	387.933.609.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(143.054.909.068)	(125.497.746.020)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.608.593.361	5.809.881.169
- Nguyên giá	228		8.055.335.602	8.055.335.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.446.742.241)	(2.245.454.433)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		70.074.223.543	68.124.198.408
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	70.074.223.543	68.124.198.408
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.497.251.573	4.497.251.573
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	4.497.251.573	4.497.251.573
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.641.602.619	4.156.199.668
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.641.602.619	4.156.199.668
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		381.415.789.092	414.764.333.483

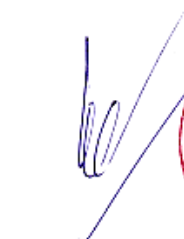


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		119.728.644.949	139.673.176.653
I. Nợ ngắn hạn	310		13.273.465.633	34.705.883.515
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.344.195.061	1.342.620.384
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	45.255.429	91.883.419
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	810.512.205	1.786.408.659
4. Phải trả người lao động	314	V.15	1.064.034.112	4.304.341.629
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	387.995.791	20.880.318.218
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	1.142.532.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	6.514.716.166	5.157.779.206
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	2.721.136.082	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	385.620.787	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		106.455.179.316	104.967.293.138
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	48.092.365.647	41.051.639.264
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	58.362.813.669	63.915.653.874
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		261.687.144.143	275.091.156.830
I. Vốn chủ sở hữu	410		261.687.144.143	275.091.156.830
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	284.800.000.000	284.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.800.000.000	284.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	646.231.180	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	(23.759.087.037)	(9.708.843.170)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(10.785.895.137)	(9.708.843.170)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(12.973.191.900)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		381.415.789.092	414.764.333.483



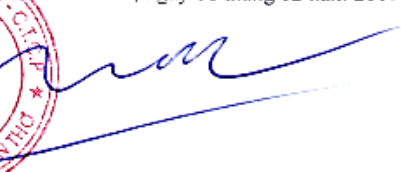
Thái Thị Mỹ Linh
Người lập



Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 08 tháng 02 năm 2017



Phan Thành Tiến
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	89.690.563.729	97.596.020.408
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		89.690.563.729	97.596.020.408
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	74.904.979.450	69.771.764.963
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.785.584.279	27.824.255.445
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.811.472.238	2.329.278.330
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.994.226.250	4.269.772.762
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.994.226.250	4.269.772.762
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.588.183.691	3.100.055.013
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	22.199.416.231	21.984.277.047
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.184.769.655)	799.428.953
11. Thu nhập khác	31	VI.7	291.346.232	280.075.677
12. Chi phí khác	32	VI.8	79.768.477	2.452.663
13. Lợi nhuận khác	40		211.577.755	277.623.014
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.973.191.900)	1.077.051.967
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(12.973.191.900)	1.077.051.967
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.9	(455,52)	22,69
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.9	(455,52)	22,69


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng


Phan Thành Tiến
Tổng Giám đốc



TP. Cần Thơ, ngày 08 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

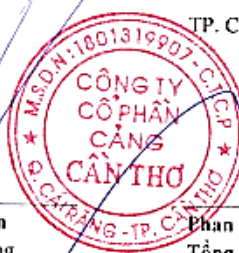
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(12.973.191.900)	1.077.051.967
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	18.262.093.139	15.480.076.508
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	346.437.067
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V1.3	(13.627.493)	(53.958.352)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V1.3	(1.826.069.810)	(1.642.532.000)
- Chi phí lãi vay	06	V1.4	5.994.226.250	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.443.430.186	15.207.075.190
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.919.379.078	1.145.288.208
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(87.529.675)	221.769.869
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(17.479.900.579)	(62.017.430.125)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.956.224.354	(2.901.527.946)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.012.774.039)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.070.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(45.200.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.306.370.675)	(46.274.824.804)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(4.365.953.135)	(2.260.719.018)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		764.370.796	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.780.979.532	1.642.532.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.820.602.807)	(618.187.018)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	63.141.677.596
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18b	(2.831.704.123)	(110.568.041)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.831.704.123)	63.031.109.555
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(9.958.677.605)	16.138.097.733
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	36.179.686.455	19.987.630.370
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	13.627.493	53.958.352
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	26.234.636.343	36.179.686.455


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng



TP. Cần Thơ, ngày 08 tháng 02 năm 2017


Phan Thành Tiến
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hoá đường bộ; Bốc xếp hàng hoá cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hàng hoá đường bộ bằng xe tải, xe container;
- Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam chưa quyết toán vốn với Công ty nên khoản lỗ thuộc giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước vẫn còn được chuyển sang giai đoạn Công ty cổ phần với số lỗ là: 10.785.895.137 VND.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn có trụ sở chính tại Hương lộ 81, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh hình thức phân chia lợi nhuận trước thuế. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên doanh này là: Cung cấp các dịch vụ kinh doanh bốc xếp, vận chuyển hàng hoá, cho thuê bến bãi. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 50%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ	Số 02 khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui	Số 02 khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu	Số 27 Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
8. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 161 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 199 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên từ sau giai đoạn cổ phần hoá: bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 năm 2015 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh******Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách

hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được trích lập khi công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh. Nếu công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46
Máy móc và thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05
Tài sản cố định khác	05 - 14

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm có thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ

trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	397.611.248	183.178.674
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.537.025.095	9.696.507.781
Các khoản tương đương tiền	19.300.000.000	26.300.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	19.300.000.000	26.300.000.000
Cộng	26.234.636.343	36.179.686.455

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	4.497.251.573	-	4.497.251.573	-
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn ⁽ⁱ⁾	4.497.251.573	-	4.497.251.573	-
Cộng	4.497.251.573		4.497.251.573	

- ⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100420844 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 8 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 04 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn 10.000.000.000 VND, tương đương 50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 4.497.251.573 VND, tương đương 22,49% vốn điều lệ (số đầu năm là 4.497.251.573 VND, tương đương 22,49% vốn điều lệ). Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn là 5.502.748.427 VND tương đương 27,51% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn là công ty liên doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bán hàng	237.935.269	-
Lợi tức nhận được	1.713.798.000	1.642.532.000

Cam kết góp vốn

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký với Công ty TNHH xây dựng và khảo sát công trình Thanh Tuấn về việc thành lập Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn để thực hiện kinh doanh các các lĩnh vực dịch vụ, Công ty cam kết sẽ góp 50% trong tổng vốn điều lệ của công ty này với số tiền là 10.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty chưa thực hiện việc góp vốn đủ theo cam kết.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	237.935.269
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn	-	237.935.269
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	19.671.897.693	26.672.857.676
Công ty TNHH xây dựng và khảo sát công trình Thanh Tuấn	1.041.307.876	142.500.000
Các khách hàng khác	18.630.589.817	26.530.357.676
Cộng	19.671.897.693	26.910.792.945

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	1.201.826.002	111.900.000
Công ty TNHH MTV tư vấn xây dựng Miền Nam	278.000.000	-
Công ty TNHH xây dựng Quân Đô	625.500.000	-
Các nhà cung cấp khác	298.326.002	111.900.000
Cộng	1.201.826.002	111.900.000

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.258.720.213	-	4.936.983.595	-
Tạm ứng	2.903.150.243	-	3.655.010.147	-
Chi phí cổ phần hoá	575.454.545	-	575.454.545	-
Phải thu chi phí cổ phần hoá của nhân viên đã nghỉ việc	205.695.950	-	205.695.950	-
Phải thu tiền cho nhân viên mua cổ phần	204.000.000	-	204.000.000	-
Lãi dự thu các khoản tiền gửi	45.090.278	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	325.329.197	-	296.822.953	-
Cộng	4.258.720.213	-	4.936.983.595	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	135.485.000	-	30.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	30.000.000	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	105.485.000	-	-	-
Cộng	135.485.000	-	30.000.000	-

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		346.437.067	-		346.437.067	-
Công ty cổ phần chế biến lâm sản xuất khẩu Hưng Phú		178.549.894	-		178.549.894	-
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>178.549.894</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>178.549.894</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH nguyên liệu giấy Cần Thơ		148.379.646	-		148.379.646	-
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>148.379.646</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>148.379.646</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH thương mại dịch vụ hàng hải Song Cầu		19.507.527	-		19.507.527	-
<i>Phải thu tiền cung cấp dịch vụ</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>19.507.527</i>	<i>-</i>	<i>Trên 03 năm</i>	<i>19.507.527</i>	<i>-</i>
Cộng		346.437.067	-		346.437.067	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	346.437.067	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	346.437.067
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	346.437.067	346.437.067

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.428.374	-	12.204.864	-
Công cụ, dụng cụ	348.260.788	-	303.525.154	-
Hàng hóa	254.805.221	-	227.234.689	-
Cộng	630.494.383	-	542.964.707	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	421.364.223	344.358.434
Chi phí sửa chữa	341.350.862	429.771.819
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	36.029.814	400.516.526
Cộng	798.744.899	1.174.646.779

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.385.336.390	2.815.347.573
Chi phí sửa chữa	1.195.849.351	1.126.963.054
Các chi phí trả trước dài hạn khác	60.416.878	213.889.041
Cộng	2.641.602.619	4.156.199.668

9. Tài sản cố định hữu hình

Xem phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 106.198.931.502 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số cuối năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.220.254.433	25.200.000	2.245.454.433
Khấu hao trong năm	150.887.808	50.400.000	201.287.808
Số cuối năm	2.371.142.241	75.600.000	2.446.742.241
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.583.081.169	226.800.000	5.809.881.169
Số cuối năm	5.432.193.361	176.400.000	5.608.593.361
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	683.363.636	(683.363.636)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	68.124.198.408	2.279.984.044	(329.958.909)	70.074.223.543
Công trình xây dựng bãi 5A, 6, 10 Cảng Cái Cui	42.464.291	1.763.661.499	-	1.806.125.790
Công trình xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn I	68.081.734.117	-	-	68.081.734.117
Công trình khác	-	516.322.545	(329.958.909)	186.363.636
Cộng	68.124.198.408	2.963.347.680	(1.013.322.545)	70.074.223.543

Công ty đã thế chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 70.074.223.543 VND (số đầu năm là 68.124.198.408 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>1.344.195.061</i>	<i>1.342.620.384</i>
Công ty TNHH xây dựng thủy lợi Cửu Long	157.469.004	-
Doanh nghiệp tư nhân Tín Đạt	226.221.974	151.110.117
Các nhà cung cấp khác	960.504.083	1.191.510.267
Cộng	1.344.195.061	1.342.620.384

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>45.255.429</i>	<i>91.883.419</i>
Công ty TNHH xử lý nước Đức Hiếu	20.000.000	20.000.000
Công ty cổ phần Lilama 69-1	20.890.000	20.890.000
Các khách hàng khác	4.365.429	50.993.419
Cộng	45.255.429	91.883.419

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.022.518.417	25.925.653	3.203.496.097	(3.491.198.391)	708.890.470	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	964.035	-	22.546.359	(22.546.359)	964.035	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	100.657.700	-	6.251.870.091	(6.251.870.091)	100.657.700	-
Các loại thuế khác	662.268.507	-	5.000.000	(667.268.507)	-	-
Cộng	1.786.408.659	25.925.653	9.482.912.547	(10.432.883.348)	810.512.205	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ quốc tế	0%
- Mặt hàng nước	5%
- Hàng hoá và dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.973.191.900)	1.077.051.967
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(12.973.191.900)	1.077.051.967
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	(1.077.051.967)
Thu nhập tính thuế	(12.973.191.900)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	1.064.034.112	4.304.341.629
Cộng	<u>1.064.034.112</u>	<u>4.304.341.629</u>

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	387.995.791	20.880.318.218

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	382.570.791	1.758.309.546
Chi phí lãi vay	-	18.960.274.172
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.425.000	161.734.500
Cộng	387.995.791	20.880.318.218

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.450.316.184</i>	<i>2.575.822.849</i>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam – các khoản chi phí liên quan đến các dự án	3.450.316.184	2.575.822.849
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.064.399.982</i>	<i>2.581.956.357</i>
Giữ hộ tiền mua cổ phần của nhân viên	1.308.165.950	1.308.165.950
Kinh phí công đoàn	50.153.753	77.376.423
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.091.000.000	290.980.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	615.080.279	905.433.984
Cộng	6.514.716.166	5.157.779.206

17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Ủy Ban nhân dân TP.Cần Thơ – Vốn ngân sách Nhà nước đầu tư dự án Cái Cui	20.023.518.102	32.023.518.102
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương – Lãi vay phải trả	26.823.210.895	7.881.484.512
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.245.636.650	1.146.636.650
Cộng	48.092.365.647	41.051.639.264

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	<i>2.721.136.082</i>	<i>-</i>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	2.721.136.082	-
Cộng	2.721.136.082	-

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	2.721.136.082
Số cuối năm	2.721.136.082



18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-
Vay dài hạn phải trả tổ chức khác	58.362.813.669	63.915.653.874
Vay dài hạn ngân hàng	58.141.677.596	63.141.677.596
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱ⁾	58.141.677.596	63.141.677.596
Vay dài hạn tổ chức khác	221.136.073	773.976.278
Vay Công ty cổ phần Cảng Sài Gòn ⁽ⁱⁱ⁾	221.136.073	773.976.278
Cộng	58.362.813.669	63.915.653.874

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương căn cứ Thỏa thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ nợ giữa Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ (đến nay được cổ phần hoá thành Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ) để tiếp tục hoạt động dự án Cảng Cần Thơ. Nợ gốc và lãi vay được trả định kỳ theo lịch trả nợ thỏa thuận lúc đầu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các tài sản của dự án Cảng Cần Thơ (xem thuyết minh số V.9 và V.11).

- (ii) Vay Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn từ nguồn nợ vay của Ngân hàng Thế Giới liên quan đến dự án nâng cấp 2 tuyến đường thủy nội địa và Cảng Cần Thơ. Nợ gốc và lãi vay được trả định kỳ theo Thông báo của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.721.136.082	2.831.704.123
Trên 1 năm đến 5 năm	22.221.136.073	22.221.136.073
Trên 5 năm	36.141.677.596	38.862.813.678
Cộng	61.083.949.751	63.915.653.874

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	63.141.677.596	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)	58.141.677.596
Vay dài hạn tổ chức khác	773.976.278	-	(331.704.123)	(221.136.082)	221.136.073
Cộng	63.915.653.874	-	(2.831.704.123)	(2.721.136.082)	58.362.813.669

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Nhận từ Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	258.492.472	12.000.000	(57.200.000)	213.292.472
Quỹ phúc lợi	-	172.328.315	-	-	172.328.315
Cộng	-	430.820.787	12.000.000	(57.200.000)	385.620.787

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	282.085.000.000	282.085.000.000
Các cổ đông khác	2.715.000.000	2.715.000.000
Cộng	284.800.000.000	284.800.000.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 284.800.000.000 VND.

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.480.000	28.480.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- Cổ phiếu phổ thông	28.480.000	28.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	28.480.000	28.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

20d. Phân phối lợi nhuận .

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01 ngày 22 tháng 4 năm 2016 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 646.231.180
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 430.820.787

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 50.449,07 USD (số đầu năm là 50.449,07 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	9.554.388.845	8.638.875.811
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.136.174.884	88.957.144.597
Cộng	89.690.563.729	97.596.020.408

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Công ty không có phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.768.184.892	8.190.263.069
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	66.136.794.558	61.581.501.894
Cộng	74.904.979.450	69.771.764.963

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	112.271.810	-
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	971.774.935	632.787.978
Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	13.627.493	53.958.352
Lợi nhuận được chia từ đầu tư	1.713.798.000	1.642.532.000
Cộng	2.811.472.238	2.329.278.330

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.370.961.832	1.406.454.258
Chi phí vật liệu, bao bì	3.400.000	1.181.818
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.258.861	69.150.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	202.107.804	163.308.180
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.362.362	6.065.230
Các chi phí khác	819.092.832	1.453.895.527
Cộng	2.588.183.691	3.100.055.013

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	11.217.089.744	11.679.016.130
Chi phí vật liệu quản lý	679.966.257	876.039.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	121.284.052	83.168.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.606.812.468	2.869.263.661
Thuế, phí và lệ phí	204.420.254	174.615.705
Chi phí dự phòng	-	346.437.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.428.078.112	1.679.567.123
Các chi phí khác	4.941.765.344	4.276.169.293
Cộng	22.199.416.231	21.984.277.047

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền bốc xếp	207.005.329	54.000.500
Xử lý công nợ	-	179.369.500
Thu nhập khác	84.340.903	46.705.677
Cộng	291.346.232	280.075.677

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt bồi thường	56.431.591	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.523.808	-
Chi phí khác	13.813.078	2.452.663
Cộng	79.768.477	2.452.663

9. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.973.191.900)	1.077.051.967
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(430.820.787)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(12.973.191.900)	646.231.180
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	28.480.000	28.480.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(455,52)	22,69

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 38 VND xuống còn 22,69 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.644.056.384	4597512697
Chi phí nhân công	23.005.112.652	23.569.407.781



	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.262.093.139	15.480.076.508
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.720.743.599	32.263.719.603
Chi phí khác	14.159.508.266	10.474.033.248
Cộng	90.791.514.040	86.384.749.837

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	941.125.000	992.746.747
Cộng	941.125.000	992.746.747

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Công ty không có giao dịch cũng như số dư với các bên liên quan khác.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê tài sản	866.733.335	224.700.002
Thu hộ	364.229.476	-
Chi hộ	356.469.476	-

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ công nợ	-	3.457.849.867
Mua hàng hoá	-	43.265.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.17a. Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ cảng. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh nhiên liệu.... doanh thu từ các hoạt động khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (trong năm 2016 là khoản 10,65% tổng doanh thu). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.2.

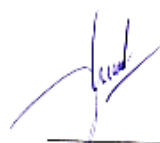
2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Cần Thơ, ngày 08 tháng 02 năm 2017


Thái Thị Mỹ Linh
Người lập biểu


Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng


Phan Thành Tiến
Tổng Giám đốc



	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	316.547.426,646	5.627.380,634	65.087.832,693	460.248,939	210.520,509	387.933.609,481
Mang trong năm	-	-	1.402.605,455	-	-	1.402.605,455
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	329.958,909	650.368,636	-	33.000,000	1.013.327,445
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.225.262,293)	-	-	(1.225.262,293)
Chuyển sang phần bổ sung cụ	(80.866,455)	(23.609,757)	-	-	-	(104.476,212)
N cuối năm	235.680,971,191	5.929.929,786	65.915.539,491	460.248,939	243.520,509	397.015.798,916
Trong đó:						
Bất động sản	-	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-
Cho thuê	-	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	82.050.147,402	3.352.003,771	39.887.589,369	101.748,839	126.282,589	125.497.771,970
Mang trong năm	12.450.649,641	583.388,385	4.969.283,118	34.171,135	29.315,052	18.066.806,531
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(460.891,497)	-	-	(460.891,497)
Chuyển sang phần bổ sung cụ	(17.908,353)	(21.842,433)	-	-	-	(39.750,786)
N cuối năm	74.592,438,690	3.913.549,723	44.395.980,990	135.929,974	155.597,641	143.084.597,018
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	234.513.279,281	2.275.571,463	25.200.248,324	558.500,050	84.267,920	262.418.868,441
N cuối năm	217.093.675,457	2.079.76,063	23.525.585,807	524.328,979	87.984,838	245.704.389,155
Trong đó:						
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	-	-	-
Cho thuê	-	-	-	-	-	-

Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Đạt Trắc Sơn
Biết Xuân Trường

Đã, Cần Thơ, ngày 08 tháng 02 năm 2017

Phạm Thành Tín
Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND				
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	284.800.000.000	-	(10.785.895.137)	274.014.104.863
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	1.077.051.967	1.077.051.967
Số dư cuối năm trước	284.800.000.000	-	9.708.843.170	275.091.156.830
Số dư đầu năm nay	284.800.000.000	-	(9.708.843.170)	275.091.156.830
Lợi nhuận trong năm/kỳ này	-	-	(12.973.191.900)	(12.973.191.900)
Trích lập các quỹ	-	646.231.180	(1.077.051.967)	(430.820.787)
Số dư cuối năm nay	284.800.000.000	646.231.180	(23.759.087.037)	261.687.144.143

Thái Thị Mỹ Linh
Người lập

Lâm Trúc Sơn
Kế toán trưởng

 TP. Cần Thơ

TP. Cần Thơ, ngày 08 tháng 02 năm 2017

Phan Thành Tiến
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 07 tháng 04 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

PHAN THÀNH TIẾN